

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng ra nước ngoài. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán vốn bằng tiền trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy an phú em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán này. được sự giúp đỡ tận tình của Thạc sĩ Phạm Thị Nga và các cán bộ trong phòng kế toán của công ty. em đã mạnh dạn chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú”*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khoá luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy an phú

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy an phú

Tuy nhiên do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập có hạn nên khoá luận của em không tránh khỏi nhiều thiếu sót. em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ dạy của các thầy cô để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI DOANH NGHIỆP.

1.1 Khái niệm, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc hạch toán kế toán vốn bằng tiền.

1.1.1 Khái niệm, nội dung kế toán vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi tại các ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các khoản tiền đang chuyển. Với tính linh hoạt cao - Vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hoá để sản xuất, kinh doanh vừa là kết quả của việc mua bán hạch toán thu hồi các khoản nợ chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận của tài sản ngắn hạn. Vốn bằng tiền được phản ánh ở các tài khoản (TK) nhóm 11.... gồm:

- Tiền mặt tại quỹ
- Tiền gửi ngân hàng
- Tiền đang chuyển

(gồm cả nội tệ, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý)

1.1.2 Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, vì vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Do vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

- Phản ánh kịp thời đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình biến động của vốn bằng tiền.

- Giám đốc quản lý chặt chẽ việc tiến hành chế độ thu, chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, chế độ quản lý ngoại tệ, vàng bạc.

1.1.4 Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền.

Công tác kế toán vốn bằng tiền có vai trò hết sức quan trọng và không thể thiếu trong doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Từ đó giúp cho các doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí tăng lợi nhuận.

- Đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm, chi phí...nhằm đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

1.1.5 Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền

(1) Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

(2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ra ngoại tệ Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh

lệch này trên các TK doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính (Nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (Nếu phát sinh trong giai đoạn XDCB giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các TK vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

(3) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

1.2 Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1 Quy tắc kế toán tiền mặt

(1) Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “tiền đang chuyển”.

(2) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

(3) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

(4) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất quỹ tiền mặt ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

(5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra

lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

(6) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt)

(7) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc xuất, nhập được hạch toán như các loại hàng tồn kho (nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá bình quân gia quyền hay giá thực tế từng lần nhập), khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.2 Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán tiền mặt.

➤ Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Bảng kê vàng, bạc, đá quý (Mẫu số 07 - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu số 08 - TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 - TT)

Và các chứng từ có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 111 - Tiền mặt: có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt

- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc kim khí quý đá quý nhập xuất quỹ tồn quỹ.

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ)

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý phát hiện thiếu ở quỹ khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ)

Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại

- Tài khoản này phản ánh tình hình thu, chi, còn lại theo nguyên tệ của từng loại ngoại tệ ở doanh nghiệp.

Bên Nợ:

Số ngoại tệ thu vào (Nguyên tệ).

Bên Có:

Số ngoại tệ xuất ra (Nguyên tệ).

Số dư bên Nợ:

Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (Nguyên tệ).

Trên tài khoản này không quy đổi các đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam.

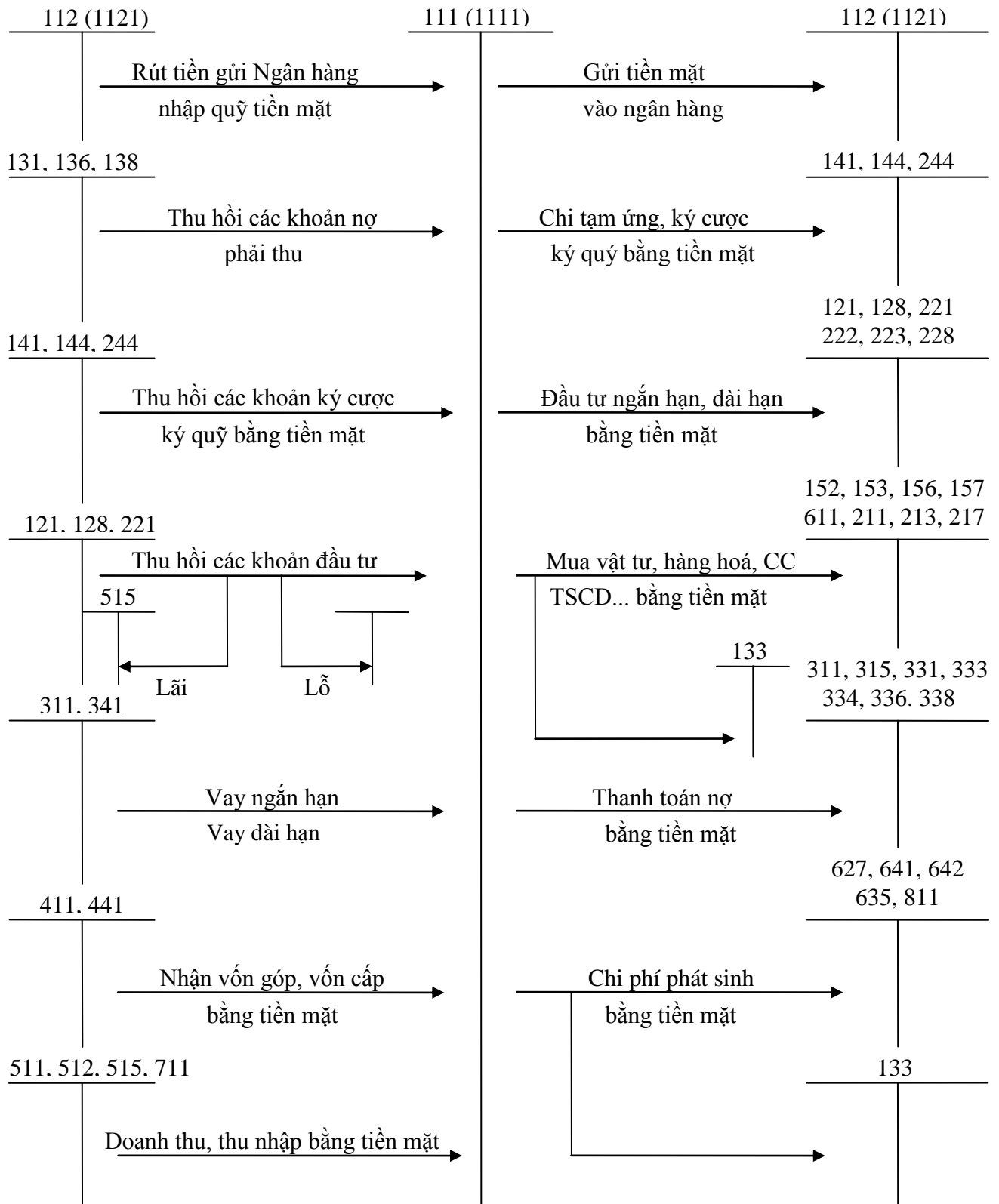
Kế toán chi tiết TK 007 theo từng loại ngoại tệ.

1.2.3 Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ

- Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt - Việt nam đồng được thể hiện qua

Sơ đồ 1.1

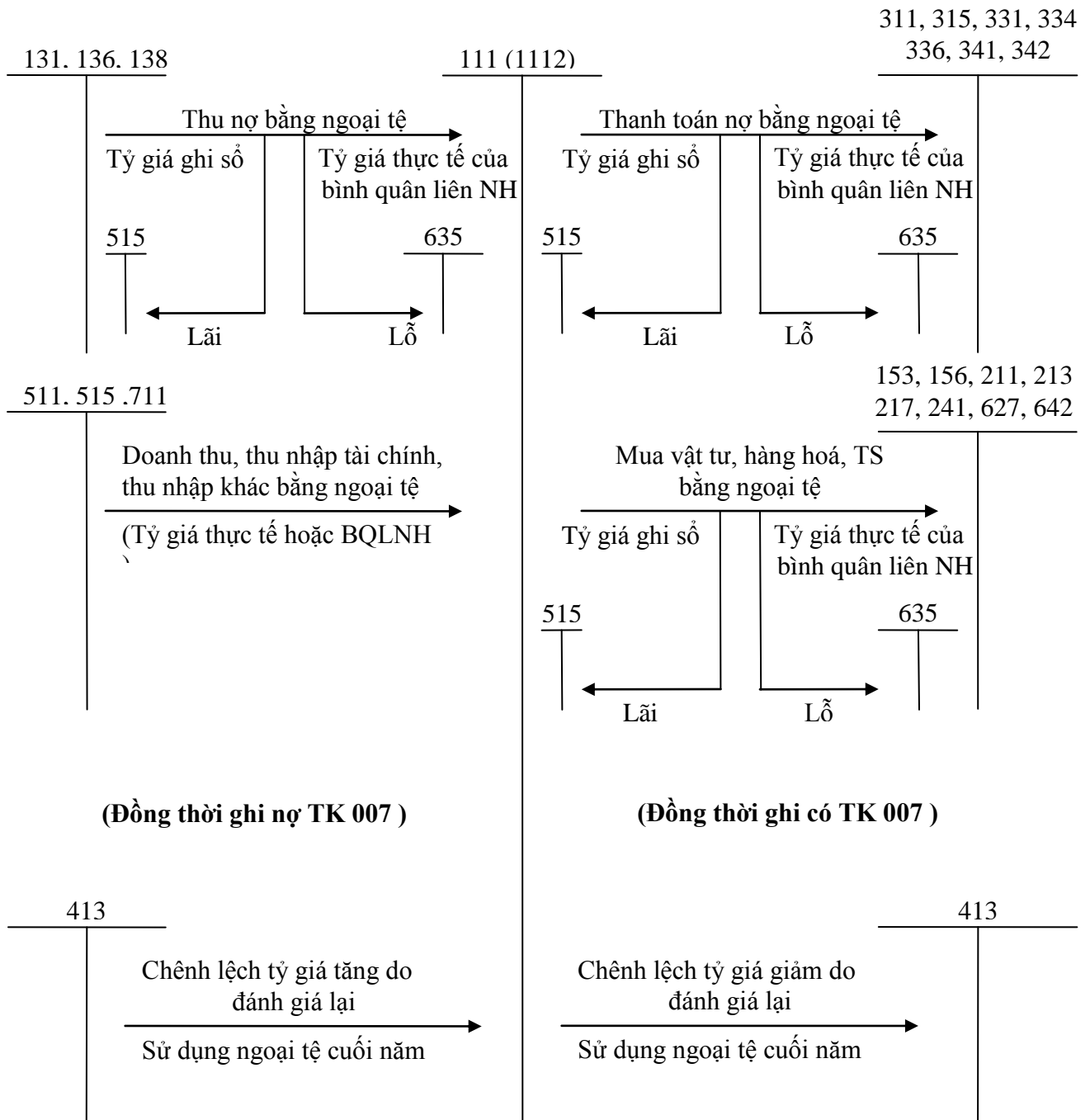
KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VNĐ)



- Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt - Ngoại tệ được thể hiện qua **Sơ đồ 1.2**

Sơ đồ 1.2

KẾ TOÁN TIỀN MẶT - NGOẠI TỆ



- Phương pháp hạch toán nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

(1) Đối với các nghiệp vụ tặng vàng bạc đá quý:

Nợ TK 111 (1113): Số vàng bạc đá quý tặng theo giá thực tế

Có các TK 111 (1111), 112 (1121): Số tiền mua thực tế

Có các TK 511, 512: Doanh thu bán hàng thực tế

Có TK 3331: Thuế GTGT đầu ra tương ứng với doanh thu

Có các TK 144, 138: Thu hồi các khoản ký cược ký quỹ cho vay

Có TK 411: Nhận góp vốn liên doanh, tặng thưởng, cấp phát

(2) Đối với các nghiệp vụ giảm vàng bạc đá quý:

Nợ các TK 1111, 1112, 112, 311, 331, 128, 228...: Giá bán hay giá thanh toán thực tế của vàng bạc đá quý

Nợ TK 412 (hoặc Có TK 412): Phần chênh lệch giữa giá gốc với giá thanh toán

Có TK 111 (1113): Giá gốc vàng bạc đá quý dùng thanh toán hay nhượng bán.

1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.3.1 Quy tắc kế toán tiền gửi ngân hàng

(1) Căn cứ để hạch toán trên TK 112 - Tiền gửi ngân hàng là các giấy báo có báo nợ và bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi....)

(2) Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo nợ báo có của bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên nợ TK 138 “phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán nhiều hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 “phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán thấp hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

(3) Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán

riêng, có thể mở tài khoản chuyển thu, chuyển chi hoặc tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, Ngoại tệ các loại)

(4) Phải tổ chức hạch toán chi tiết sổ tiền gửi theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

(5) Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; nhập trước, xuất trước; nhập sau, xuất trước; giá thực tế đích danh.

(6) Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “chi phí hoạt động tài chính” (lỗ tỷ giá)

(7) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch, tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ được hạch toán vào TK 413 “chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132)

1.3.2 Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán tiền gửi ngân hàng

➤ Các chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Phiếu báo nợ, lệnh chuyển có
- Bản sao kê, Sổ phụ tài khoản
- Hoá đơn giá trị tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào bán ra

➤ Tài khoản sử dụng

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 TK cấp 2:

- TK 1121 - Tiền Việt nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt nam.

- TK 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ, các loại đã quy đổi ra đồng Việt nam.

- TK 1123 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý rút ra từ ngân hàng

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

Tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại

- Tài khoản này phản ánh tình hình thu, chi, còn lại theo nguyên tệ của từng loại ngoại tệ ở doanh nghiệp, là tài khoản ngoài bảng.

Bên Nợ:

Số ngoại tệ thu vào (Nguyên tệ).

Bên Có:

Số ngoại tệ xuất ra (Nguyên tệ).

Số dư bên Nợ:

Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (Nguyên tệ).

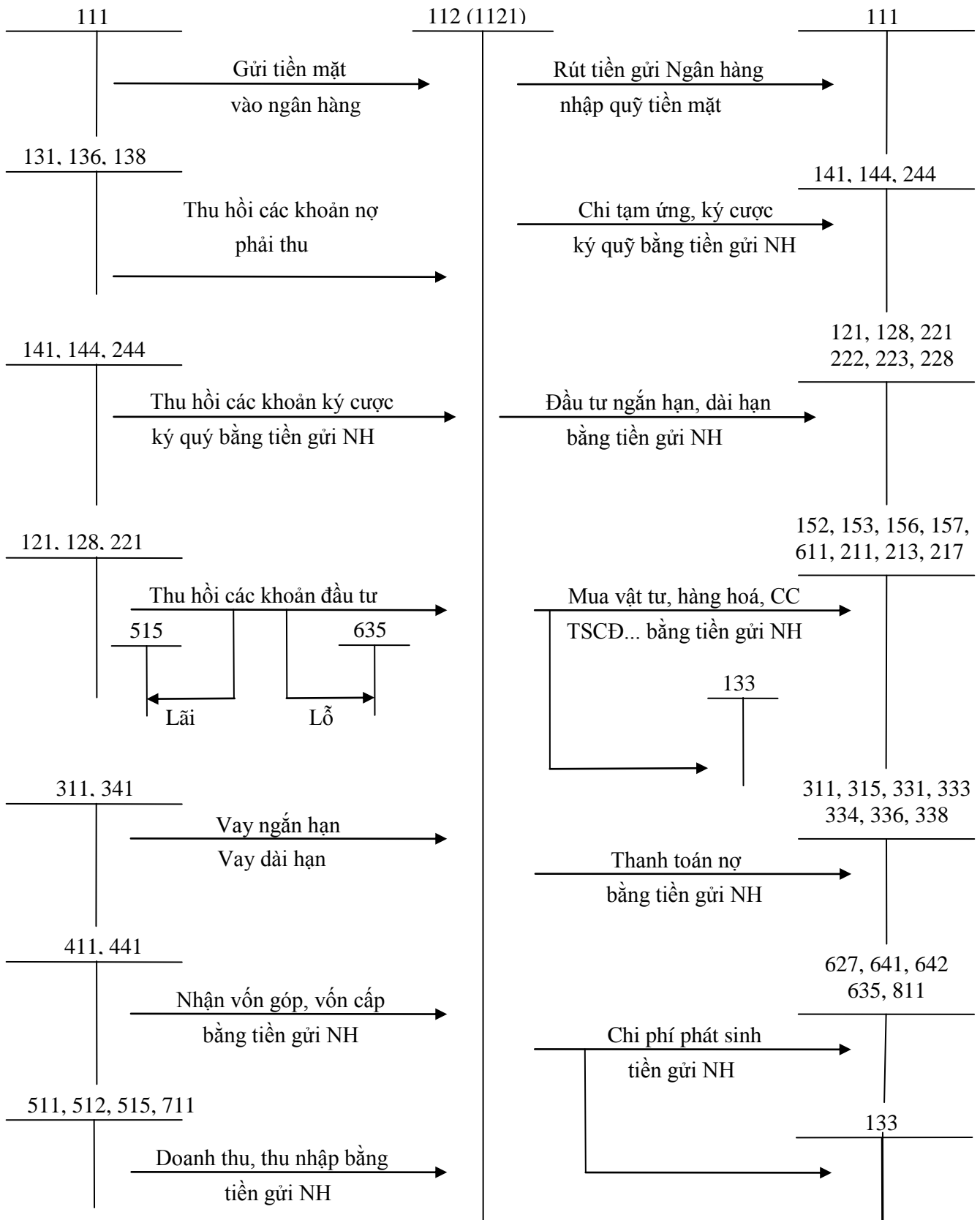
Trên tài khoản này không quy đổi các đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam.

Kế toán chi tiết TK 007 theo từng loại ngoại tệ.

1.3.3 Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng

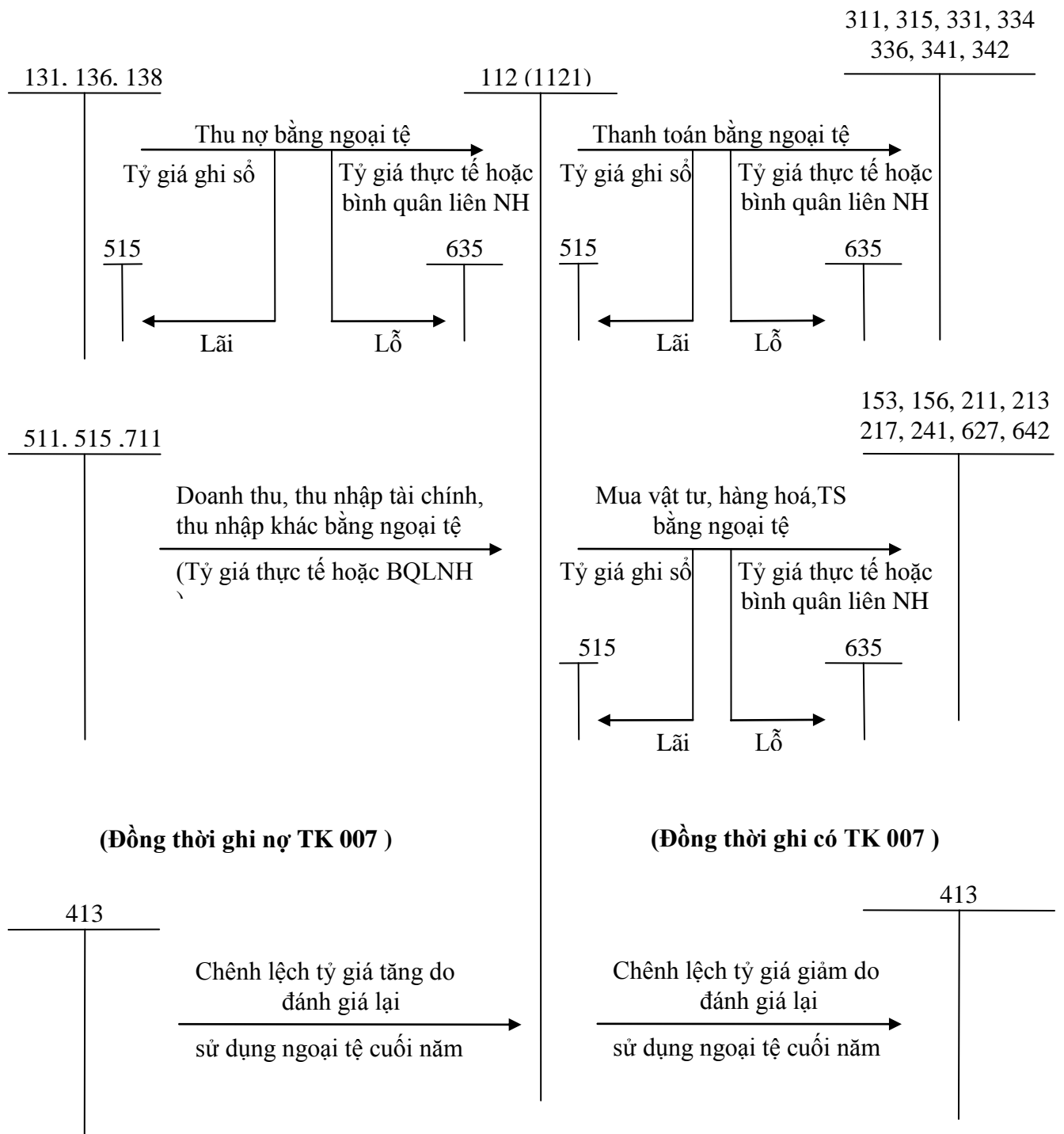
- Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng - Việt nam đồng được thể hiện qua

Sơ đồ 1.3



- Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng - Ngoại tệ được thể hiện qua **Sơ đồ 1.4**

Sơ đồ 1.4 KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG - NGOẠI TỆ



1.4 Kế toán tiền đang chuyển

1.4.1 Khái niệm

Tiền đang chuyển là khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt nam và tiền ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)

1.4.2 Tài khoản

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 1131 - Tiền Việt nam: Phản ánh số tiền Việt nam đang chuyển
- TK 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền việt nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ

Bên Có:

- Số kết chuyển vào TK 112 - Tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

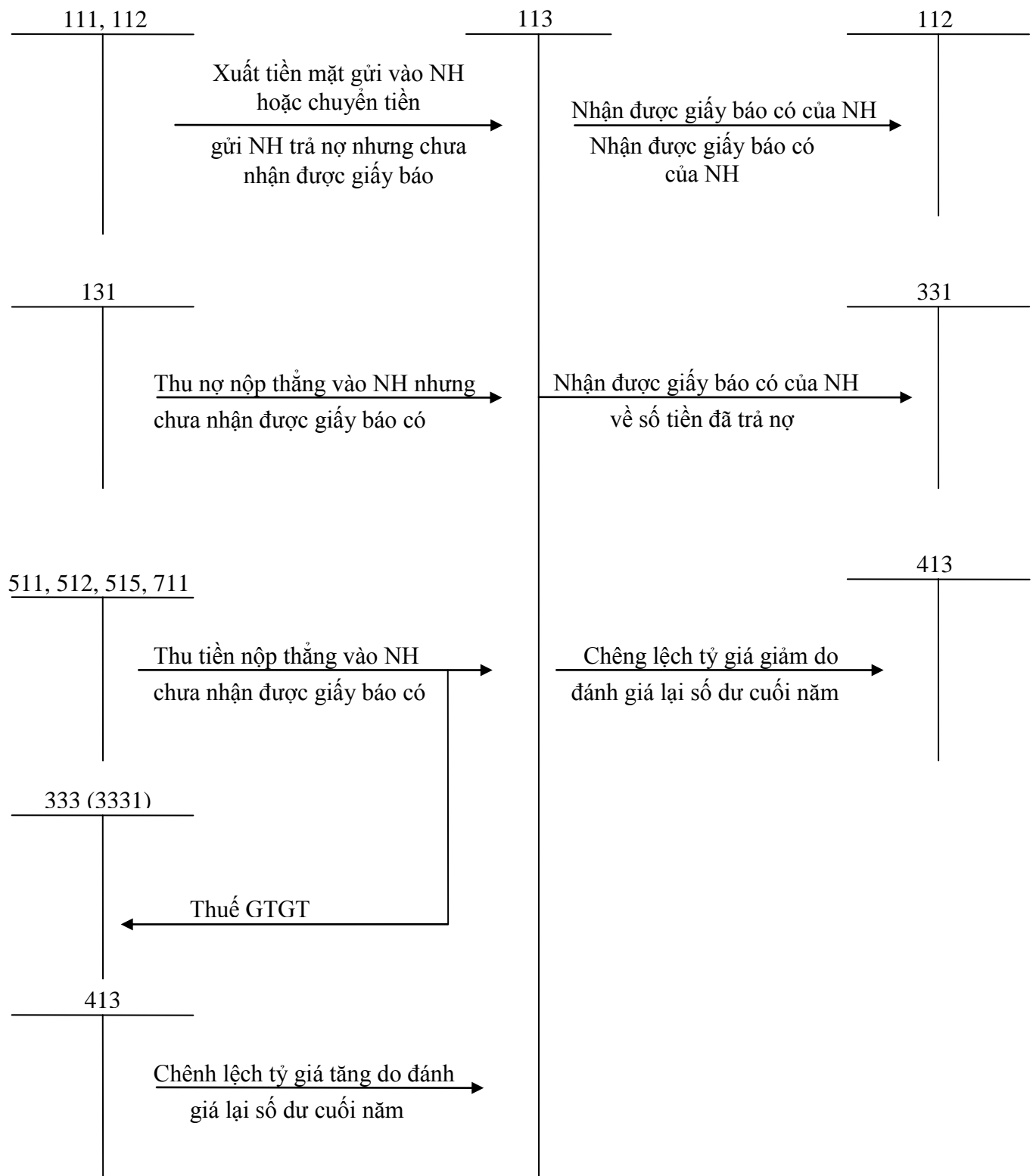
Các khoản tiền còn đang chuyển

1.4.3 Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển

- Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua **Sơ đồ 1.5**

Sơ đồ 1.5

KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



1.5 Các hình thức ghi sổ kế toán Vốn bằng tiền

1.5.1 Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ được thể hiện qua **Sơ đồ 1.6**

(a) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

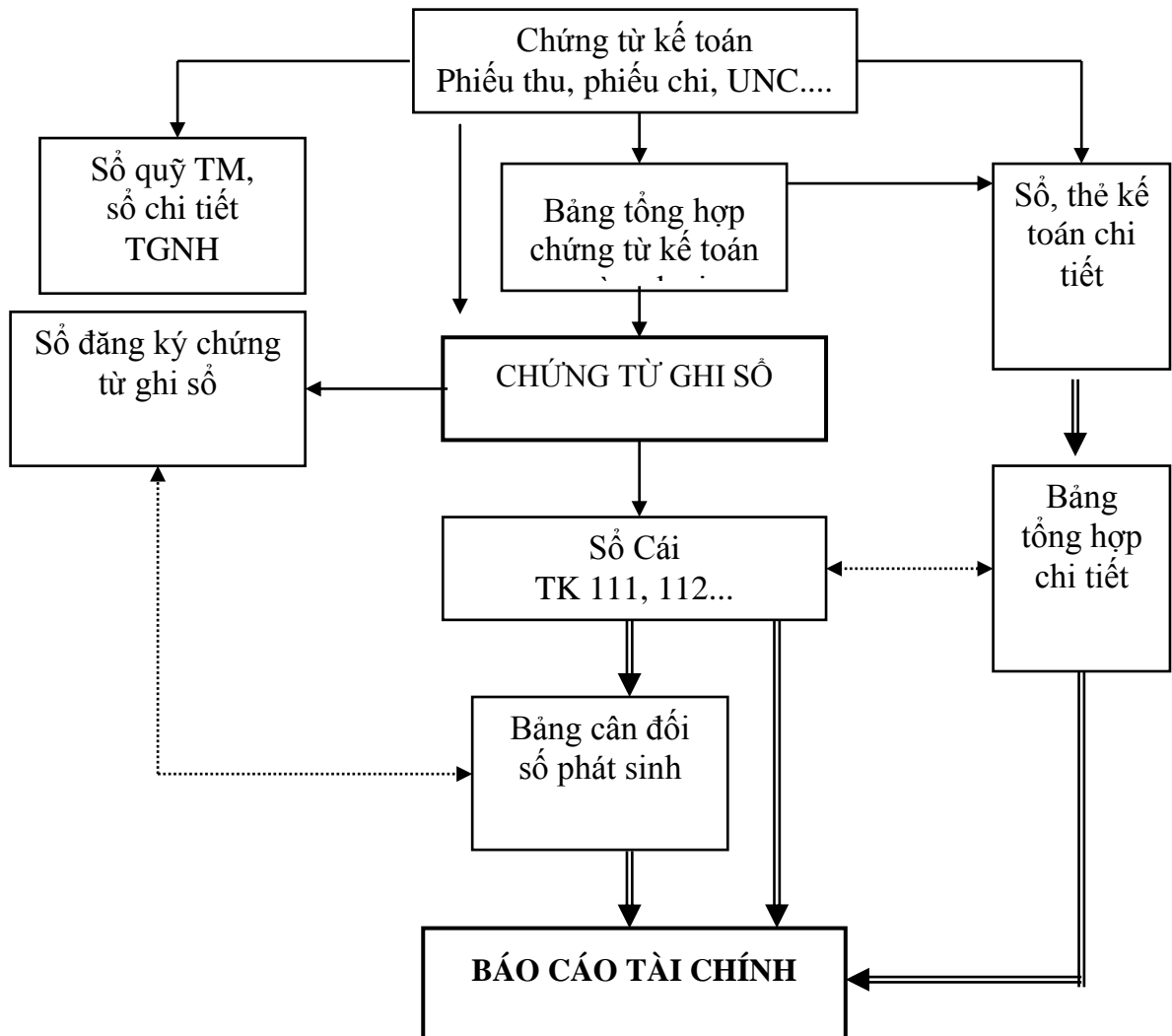
(b) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(c) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.6

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN THEO HÌNH THỨC
CHỨNG TỪ GHI SỔ**



Ghi chú:

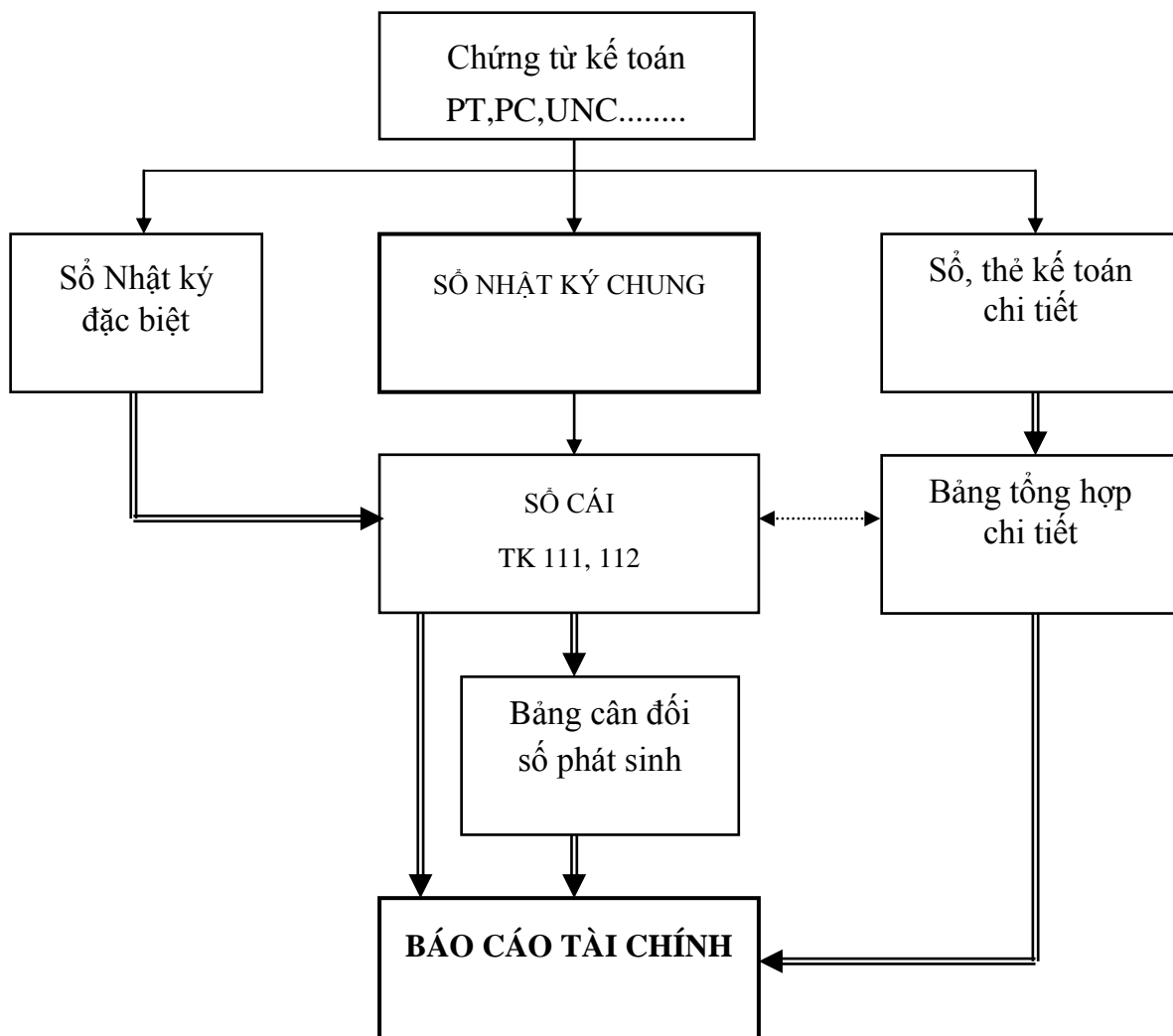
- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra số liệu

1.5.2 Hình thức sổ kế toán nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chung được thể hiện qua Sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu ←-----→

(a) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đó kiểm tra được dùng làm

căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đó ghi tròn sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thờ đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thờ hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đó loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

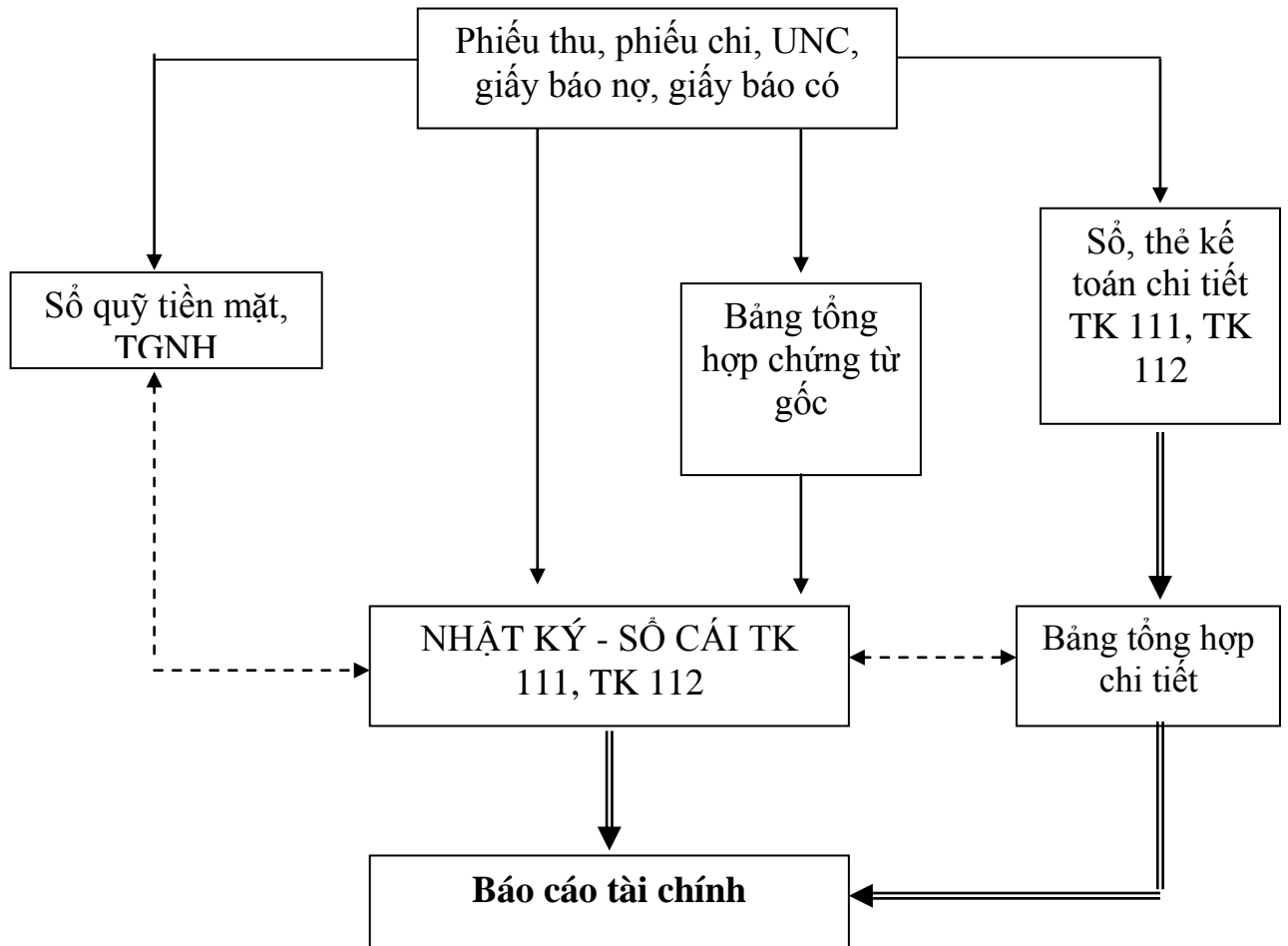
(b) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đó kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đó loại trừ số trùng lặp tròn các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.5.3 Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Sổ cái

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký - sổ cái được thể hiện qua **Sơ đồ 1.8**

Sơ đồ 1.8

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ - SỔ CÁI



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

(a) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp

chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(b) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(c) Kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái

(d) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập "Bảng tổng hợp chi tiết" cho từng tài khoản. Số liệu trên "Bảng tổng hợp chi tiết" được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

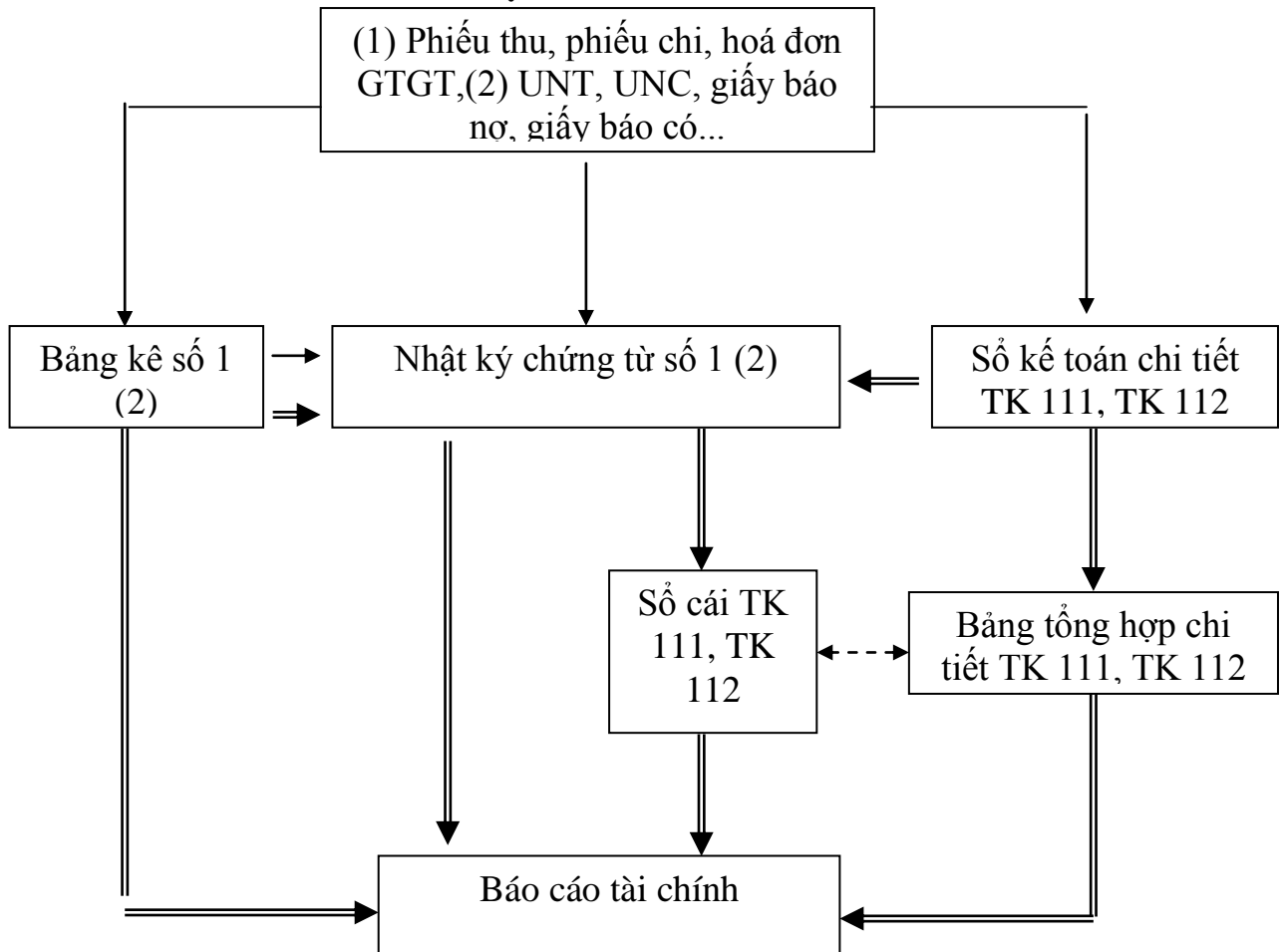
Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên "Bảng tổng hợp chi tiết" sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.5.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ được thể hiện qua **Sơ đồ 1.9**

Sơ đồ 1.9

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHỨNG TỪ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

- Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, UNT, UNC, giấy báo Nợ, giấy báo Có, hoá đơn GTGT ghi trực tiếp vào các Nhật ký chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

- Đối với các Nhật ký chứng từ được căn cứ vào bảng kê, sổ chi tiết thì hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng phải chuyển số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết vào Nhật ký chứng từ.

- Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và nhật ký chứng từ có liên quan.

- Số liệu tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.5.5 Hình thức kế toán máy

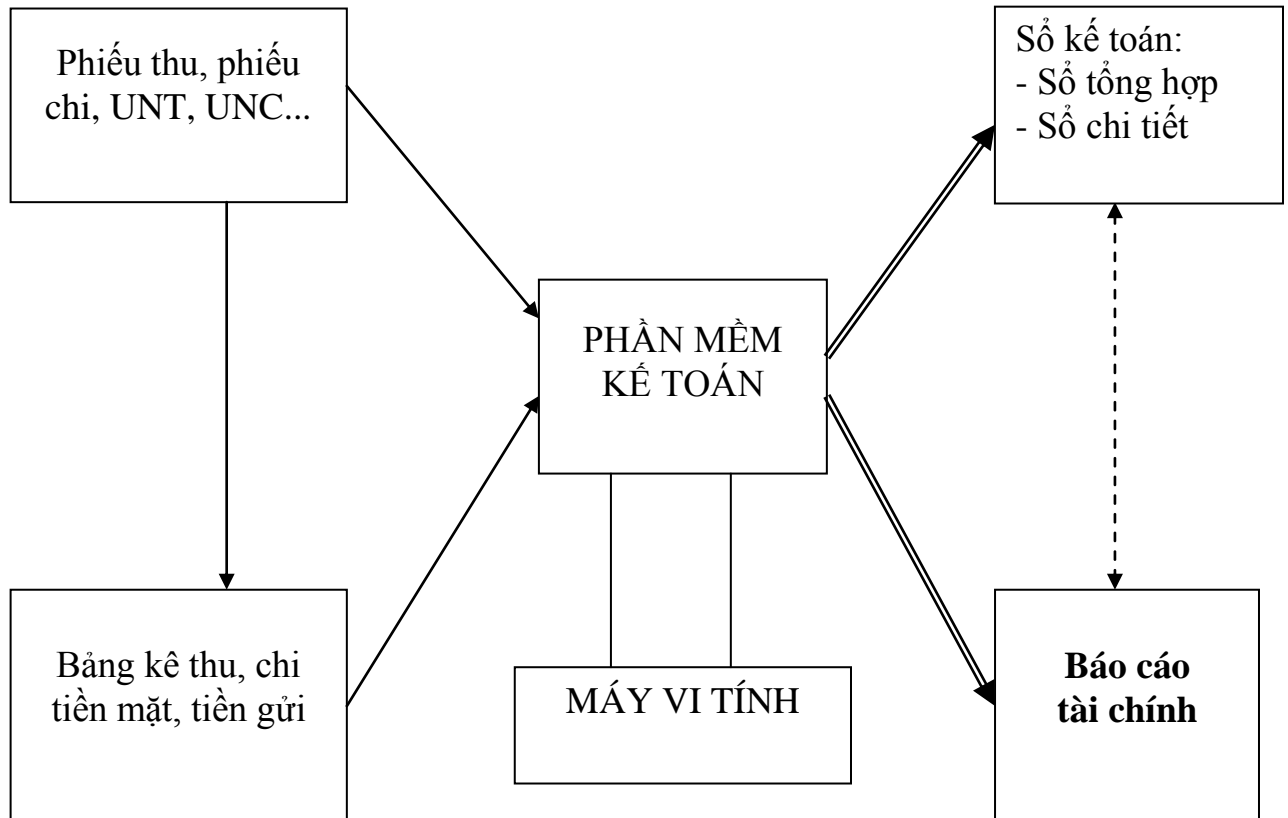
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy vi tính được thể hiện qua **Sơ đồ 1.10**

Sơ đồ 1.10

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN THEO HÌNH THỨC
KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

(a) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(b) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ.

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú được sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy phép kinh doanh số 0203000709, ngày 12 tháng 02 năm 2004.

Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

Tên giao dịch bằng tiếng anh: An phu joint –stock company

Tên viết tắt: An phu mem jsc

Trụ sở chính đặt tại: Số 512 Tôn Đức Thắng, Xã An Đông, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng Hoá

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 031.3857020

Fax: 031.3839909

Mã số thuế: 0200576908

Tài khoản: **102010000212882** tại Ngân hàng Công thương Lê Chân Hải Phòng

Tiền thân của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú chỉ là một cửa hàng kinh doanh phụ tùng máy thủy. Sau một thời gian kinh doanh trên thị trường, cửa hàng đã kinh doanh được một số vốn lớn, tạo được các mối quan hệ với các đối tác lớn và cùng với nhịp phát triển nhanh chóng của ngành đóng tàu Hải Phòng, Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú đã ra đời với tổng vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký: 9.400.000.000 đồng. Hiện nay tổng vốn điều lệ tăng lên: 17.000.000.000 đồng

Trong quá trình phát triển Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú đã dần khẳng định được mình qua một thời gian dài kinh doanh trên thương trường. Các giai đoạn phát triển Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú có thể tóm tắt như sau:

Giai đoạn từ 1995 đến 1999: Là một cửa hàng kinh doanh và sửa chữa phụ tùng máy thủy Phú Quý. Thời gian này, cửa hàng thu mua các phụ tùng cũ được phá dỡ từ các tàu thủy cũ, sửa chữa tân trang lại, sau đó bán lại cho các Công ty có nhu cầu cần vật tư kỹ thuật. Trong giai đoạn này, công ty đã tạo dựng được các mối quan hệ với các chủ tàu, các khách hàng từ các tỉnh có nhu cầu về phụ tùng máy thủy.

Giai đoạn từ 2000 đến 2004: Đây là giai đoạn chuẩn bị cho việc hình thành Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú. Do khối lượng hàng hóa nhập về ngày càng nhiều, đòi hỏi một khối lượng lao động lớn hơn. Cửa hàng cũng đã trang bị được máy móc hiện đại phục vụ cho việc sửa chữa, bảo trì, tu bổ. Lúc này cửa hàng đòi hỏi một quy mô lớn hơn. Do vậy, ngày 12 tháng 02 năm 2004, Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú đã ra đời.

Giai đoạn từ 2005 đến nay, công ty đã mở rộng lĩnh vực hoạt động và thành lập được năm trung tâm trực thuộc:

- Trung tâm vận tải và dịch vụ vận tải nâng hạ hàng hoá.
- 2 cửa hàng chuyên kinh doanh vật tư, phụ tùng máy thủy.
- 2 xưởng chuyên nhận các dịch vụ sửa chữa, phá dỡ, gia công cơ khí máy tàu thủy

2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú

Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú là Doanh nghiệp tư nhân hạch toán độc lập và hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Hiện tại, Công ty đang kinh doanh và hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách thủy – bộ
- Dịch vụ gia nhận xếp dỡ. ủy thác giao nhận xuất nhập khẩu
- Kinh doanh vật tư, phụ tùng máy thủy
- Dịch vụ sửa chữa, phá dỡ, gia công cơ khí máy tàu thủy
- Dịch vụ đóng tàu

Trong các ngành nghề kể trên, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, phụ tùng máy thủy và dịch vụ sửa chữa, phá dỡ, gia công cơ khí máy tàu thủy.

Công ty thu mua các loại máy móc, phụ tùng từ rất nhiều các nguồn khác

nhau, từ các nhà máy, đại lý lớn bên Trung Quốc: Thượng Hải, Đông Hưng, Quảng Châu...và các Công ty kinh doanh vật tư, phụ tùng máy thủy ở các tỉnh trong nước chủ yếu là Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh,...

Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực vận tải, cầu nâng hạ hàng hóa lớn. Hiện tại, Công ty có 3 cầu bánh lốp chuyên nhận xếp dỡ các mã hàng lớn từ 50 tấn trở lên tại các tỉnh thành trên cả nước. Đây là một lĩnh vực mới đối với công ty nên hiện tại còn gặp nhiều khó khăn. Trong tương lai, công ty sẽ phát triển lĩnh vực này rộng hơn nữa.

Để mở rộng phạm vi hoạt động, 2 năm trở lại đây công ty bắt đầu tham gia vào lĩnh vực tàu biển. Công ty đã đưa vào khai thác một con tàu chở hàng 2000 tấn và đang đầu tư đóng mới một con tàu chở dầu 6000m³.

2.1.3 Khó khăn, thuận lợi của Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú

Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú tiền thân là một cửa hàng vật tư buôn bán phụ tùng máy thủy nhỏ để trở thành một công ty phát triển mạnh như hiện nay đã gặp rất nhiều thuận lợi và khó khăn.

- **Thuận lợi:** Qua quá trình phát triển từ một cửa hàng nhỏ trở thành một công ty lớn, Công ty đã tạo dựng cho mình một chỗ đứng trong thị trường buôn bán máy thủy. Đồng thời, Công ty cũng đã đúc kết cho mình được rất nhiều kinh nghiệm về sửa chữa máy móc, phụ tùng vật tư chuyên về tàu thủy. Chính vì vậy Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào đóng mới một con tàu dầu tư nhân lớn nhất miền Bắc.

- **Khó khăn:** Trong tình hình cả thế giới rơi vào khủng hoảng thì Ngành đóng tàu cũng gặp phải không ít khó khăn trong việc huy động vốn để đầu tư đóng tàu do vậy mà Công ty cũng bị ảnh hưởng theo vòng xoáy khủng hoảng. Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực vận tải, cầu nâng hạ hàng hóa với trọng tải lớn đây là một lĩnh vực mới đối với công ty nên hiện tại còn gặp nhiều khó khăn.

Biểu số 2.1:

Tình hình kết quả kinh doanh năm 2008-2009

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
<i>Doanh thu bán hàng</i>	31.461.221.451	35.847.646.108
<i>Giá vốn hàng bán</i>	29.968.398.058	34.136.694.517
<i>Tổng lợi nhuận trước thuế</i>	137.980.552	100.414.613
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	99.345.998	75.310.960

(Tài liệu được lấy từ báo cáo tài chính của phòng Tài chính – kế toán)

Nhìn vào bảng số liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 2 năm gần đây ta thấy doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2009 tăng so với 2008 là 4.386.424.657 đồng nhưng lợi nhuận trước thuế lại giảm đi 24.035.038 đồng. Nguyên nhân là trước khi khủng hoảng kinh tế Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú có nhập mặt hàng máy thủy và phụ tùng vật tư với giá cao nhưng do khủng hoảng kinh tế Công ty đã giảm giá các mặt hàng máy thủy để tăng doanh thu bán hàng, thu hồi vốn, tránh để hàng tồn kho quá lớn. Chính vì vậy mà lợi nhuận trước thuế của năm 2009 lại giảm so với năm 2008 là 75.81%.

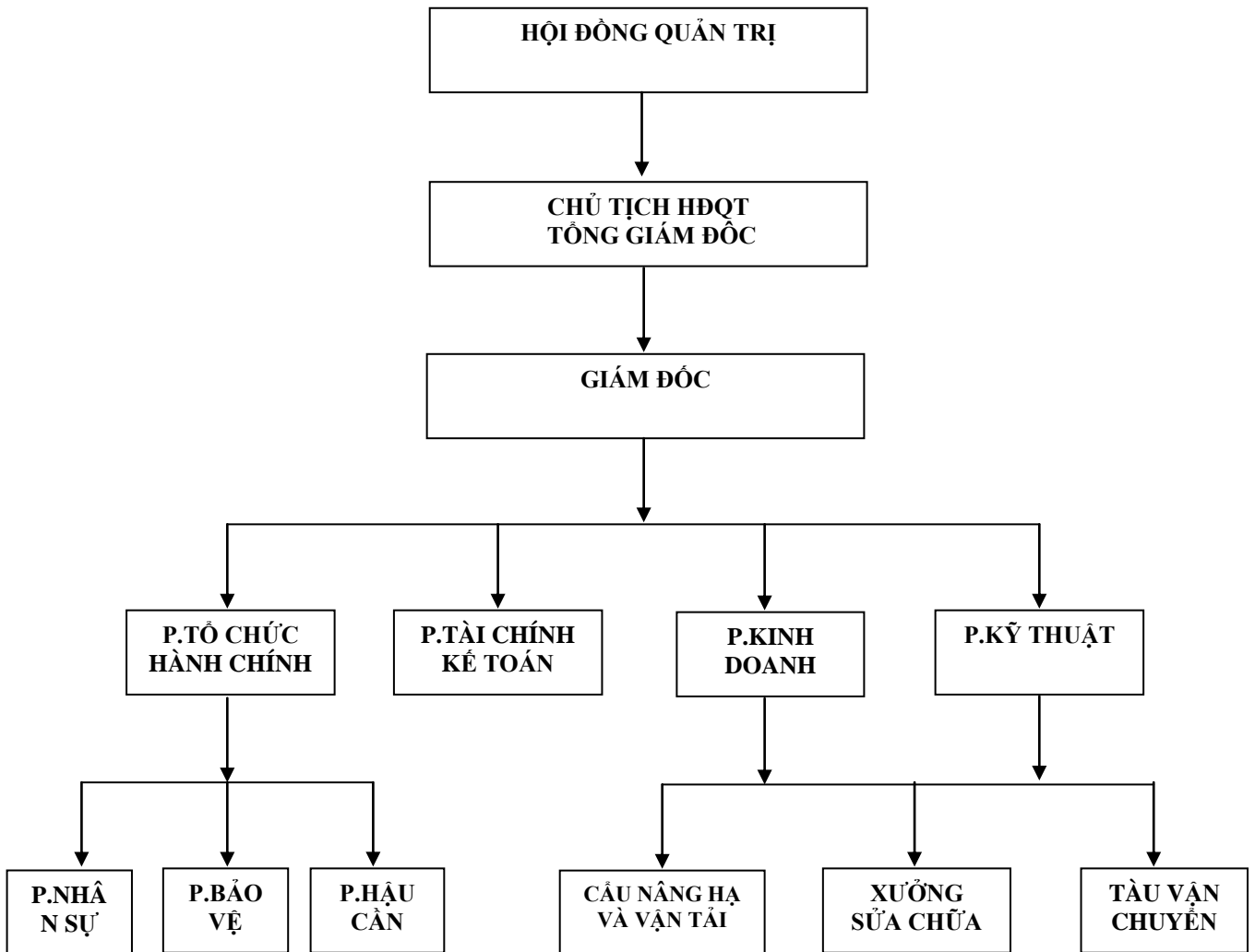
2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

Với bất kỳ một doanh nghiệp nào, việc tổ chức nhân sự và sắp xếp bộ máy quản lý là điều rất quan trọng. Nó là một trong các nhân tố dẫn đến sự thành bại của Công ty. Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú có được thành công như ngày hôm nay là nhờ có một bộ máy quản lý có trình độ và một đội ngũ công nhân viên, kỹ sư lành nghề, chăm chỉ và có trách nhiệm.

Trong cơ cấu tổ chức của Công ty, các chức năng được chuyên môn hóa hình thành nên các phòng ban. Các phòng ban hình thành với tư cách là bộ phận tham mưu cho Giám đốc, các phòng ban gửi các báo cáo cần thiết giúp cho Giám đốc đưa ra các quyết định đúng đắn... Hiện nay, Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú có cơ cấu tổ chức theo **Sơ đồ 2.1** như sau:

Sơ đồ 2.1:

**Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của
Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.**



Và sau đây là công việc, trách nhiệm cụ thể của các phòng ban trong Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú.

* Hội đồng quản trị: của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú gồm 3 thành viên, đại diện cho các cổ đông để quản trị công ty. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh các cổ đông của Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị là bộ phận có vị thế cao nhất trong công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng nhất của Ban Giám đốc (gồm Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, 2 Phó Giám đốc) có quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện theo các quyết định của Hội đồng quản trị
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức năng quản lý trong Công ty.
- Tuyển dụng lao động

* Phòng tổ chức hành chính: chịu trách nhiệm về các hợp đồng lao động, đăng quyền dụng nhân sự, giám sát cán bộ công nhân viên thực hiện các nội quy nội bộ.

* Phòng tài chính kế toán: chức năng của phòng kế toán là giúp Cho Ban Giám đốc quản lý, theo dõi và giám sát các hoạt động tài chính của công ty thông qua việc thực hiện chế độ tài chính tài toán theo đúng quy định của Bộ tài chính đa ban hành.

* Phòng kinh doanh: có chức năng nghiên cứu, phát triển thị trường tiêu thụ. Phòng kinh doanh theo dõi nắm bắt thị trường để đề xuất các phương án kinh doanh cụ thể. Xây dựng kế hoạch kinh doanh trình lên Ban Giám đốc.

* Phòng kỹ thuật: đây là một trong những bộ phận quan trọng của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú. Bộ phận kỹ thuật có một đội ngũ kỹ sư dày dặn kinh nghiệm và vững vàng về chuyên môn. Các kỹ sư thường xuyên có mặt tại các xưởng sửa chữa và xưởng đóng tàu để trực tiếp chỉ đạo các công nhân làm việc

Trên đây là chi tiết sơ đồ và các phòng ban trong bộ máy quản lý của Công ty. Công ty cổ phần Vật tư máy tàu thủy An Phú có được sự thành công như ngày hôm nay là nhờ vào việc tổ chức được một bộ máy quản lý khoa học.

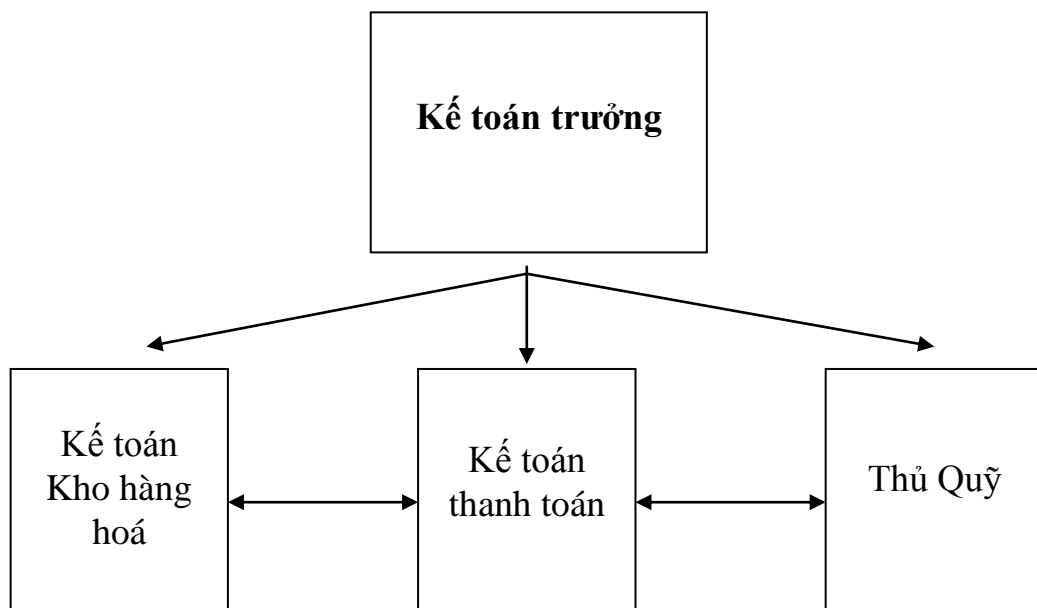
2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

Xuất phát từ quy mô thực tế của công ty, tổ chức công tác kế toán bao gồm: 01 kế toán trưởng và 03 kế toán viên phụ trách các lĩnh vực khác nhau. Mỗi cán bộ kế toán có thể kiêm nhiệm nhiều phần hành kế toán vì thế có thể giảm được số cán bộ kế toán mà vẫn đảm bảo được hiệu quả công việc, phù hợp với chế độ quy định của Bộ Tài Chính.

Mô hình kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều được xử lý tại Phòng kế toán của Công ty.

Sơ đồ 2. 2:

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán:



*) Chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên:

Phòng kế toán là một trong các phòng chức năng quan trọng của Công ty, là tập thể những cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nắm vững chế độ, chính sách, am hiểu nội dung phương pháp kế toán, đã phát huy vai trò quan trọng của kế toán trong hệ thống quản lý, hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phòng Kế toán thực hiện toàn bộ công tác hạch toán kinh tế từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý thông tin đến khâu tổng hợp tính toán chi tiêu cần thiết về hoạt động của công ty và kiểm soát được nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc phạm vi tài chính của công ty.

*) Các quan hệ tài chính bao gồm:

Quan hệ kinh tế giữa các công ty với các cán bộ công nhân viên trong quá trình phân phối thu nhập cho người lao động dưới hình thức tiền lương, tiền thưởng.

Quan hệ kinh tế giữa Công ty với các ngân hàng như Ngân hàng Công thương Lê Chân là quan hệ tiền gửi, tiền vay ngân hàng và quan hệ kinh tế với Ngân sách Nhà nước.

Quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hình thành sử dụng cá nguồn vốn và quỹ tiền tệ. Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, tiết kiệm mọi nguồn lực của Doanh nghiệp (lao động, vật tư, tiền vốn....) để đạt hiệu quả kinh tế ở mức cao nhất.

Từ mối quan hệ kinh tế, Phòng kế toán là một bộ phận hỗ trợ đắc lực cho sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất được liên tục, đề xuất với lãnh đạo kịp thời điều chỉnh định mức kinh tế nội bộ và đóng góp không nhỏ đối với những thành quả mà công ty đã đạt được.

***) Nhiệm vụ của Bộ máy kế toán:**

Công việc kế toán của Công ty được phân chia như sau:

- Kế toán trưởng: là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình Giám đốc, đồng thời phải thực hiện quyết toán quý, năm theo đúng chế độ, tham mưu cho Giám đốc trong việc sử dụng và quản lý có hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh, tính toán kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm báo cáo tài chính của Công ty.

- Kế toán kho hàng hoá: Có nhiệm vụ thu thập, xử lý kiểm tra tất cả các thông tin có liên quan đến quá trình xuất, nhập hàng hoá, phân bổ công cụ, dụng cụ, cung cấp thông tin phục vụ cho kế toán tập hợp chi phí. Kiểm tra hàng hoá đúng chủng loại, chất lượng, số lượng. Hàng tháng, hàng quý phải kiểm kê hàng hoá xem thiếu hay thừa để xử lý.

- Kế toán thanh toán: Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán phát sinh, tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương, tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Có nhiệm vụ quản lý, theo dõi toàn bộ tình hình công nợ khách hàng. Căn cứ vào bảng tổng hợp thanh toán lương để tiến hành tổng hợp chi phí tiền lương, thưởng, các khoản trích theo lương, tính lương trong tháng để thu thập, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác tính giá thành được chính xác.

- Thủ quỹ: Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hằng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.

2.1.6 Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

➤ *Những quy định chung*

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống bộ sổ kế toán theo đúng các quy định mẫu biểu ban hành của Bộ Tài Chính. Vậy hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán vận dụng vào các sổ sách, chứng từ liên quan một cách khoa học, cụ thể theo đúng chế độ quy định.

➤ *Hình thức tổ chức công tác kế toán tại Công ty*

+ Hình thức tổ chức kế toán của Công ty là hình thức tập trung, tất cả chứng từ phát sinh, sổ sách kế toán đều được xử lý tại phòng Tài chính – kế toán của Công ty.

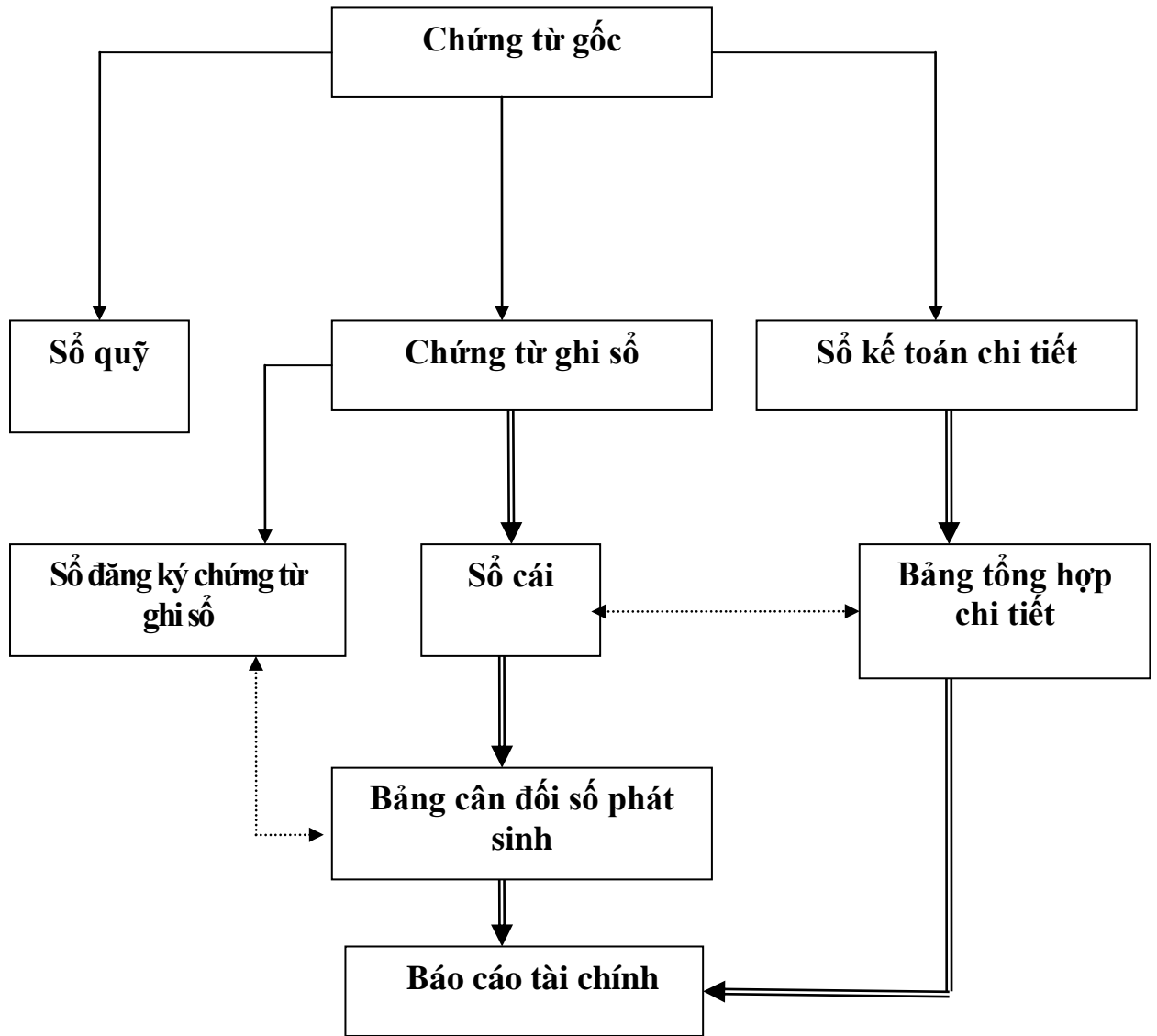
+ Công ty đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, Hình thức này được áp dụng theo Quyết định số **48/2006/QĐ-BTC** ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chế độ kế toán thống nhất trong cả nước

+ Công ty đã vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, do đó công tác kế toán được tiến hành nhanh chóng, thông tin kế toán được cung cấp kịp thời chính xác và tiết kiệm về thời gian.

Trình tự ghi sổ kế toán được biểu diễn theo sơ đồ sau (**Sơ đồ 2.3**)

Sơ đồ 2.3

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ tại Công ty CP vật tư Máy tàu thủy An Phú



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra số liệu

- Hệ thống chứng từ áp dụng tại Công ty: hệ thống chứng từ của Công ty đa dạng và thường xuyên vận động, được lập theo mẫu do nhà nước quy định.
- Hệ thống các tài khoản: Công ty sử dụng các tài khoản kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán, theo quyết định 48/2006/QĐ - BTC.
- Hệ thống báo cáo tài chính
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả kinh doanh
 - Bảng lưu chuyển tiền tệ
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính
- Phương pháp hạch toán kế toán tại Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng tại Công ty: VNĐ
 - Niên độ kế toán từ 1/1/N đến 31/12/N
 - Phương pháp khấu hao theo đường thẳng
 - Phương pháp kê khai thuế theo phương pháp khấu trừ
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp thực tế đích danh.

2.2 Thực tế tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú

Là một Công ty Cổ phần đang trên đà phát triển, Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú có nhu cầu rất lớn về tài chính, Công ty có hoạt động kinh doanh với rất nhiều đối tác trong và ngoài nước, đòi hỏi việc thanh toán phải chính xác, kịp thời, cùng với đó là việc trả lương cho người lao động cũng phải thích hợp nhằm thúc đẩy quá trình sản xuất trong Công ty. Chính vì vậy mà phần hành kế toán vốn bằng tiền trong Công ty luôn được coi trọng. Công ty chủ yếu theo dõi tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng

2.2.1 Kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

Hàng ngày, tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền diễn ra thường xuyên như: thu tiền mua hàng, rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt, chi cho việc mua sắm trang thiết bị phục vụ quản lý...

2.2.1.1 Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán

➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)

Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển và được đánh số từng quyển theo thứ tự từ trang 1 đến trang n trong một năm. Số phiếu thu, phiếu chi cũng được đánh thứ tự từ số 1 đến số n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên ghi đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, phiếu chi, thủ quỹ giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc người nhận) tiền, cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Phiếu chi được kèm với hóa đơn GTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với hóa đơn GTGT (Liên 3: Nội bộ)

➤ Tài khoản kế toán sử dụng:

- TK 111: Tiền mặt (TK 1111 - Tiền mặt Việt Nam Đồng)

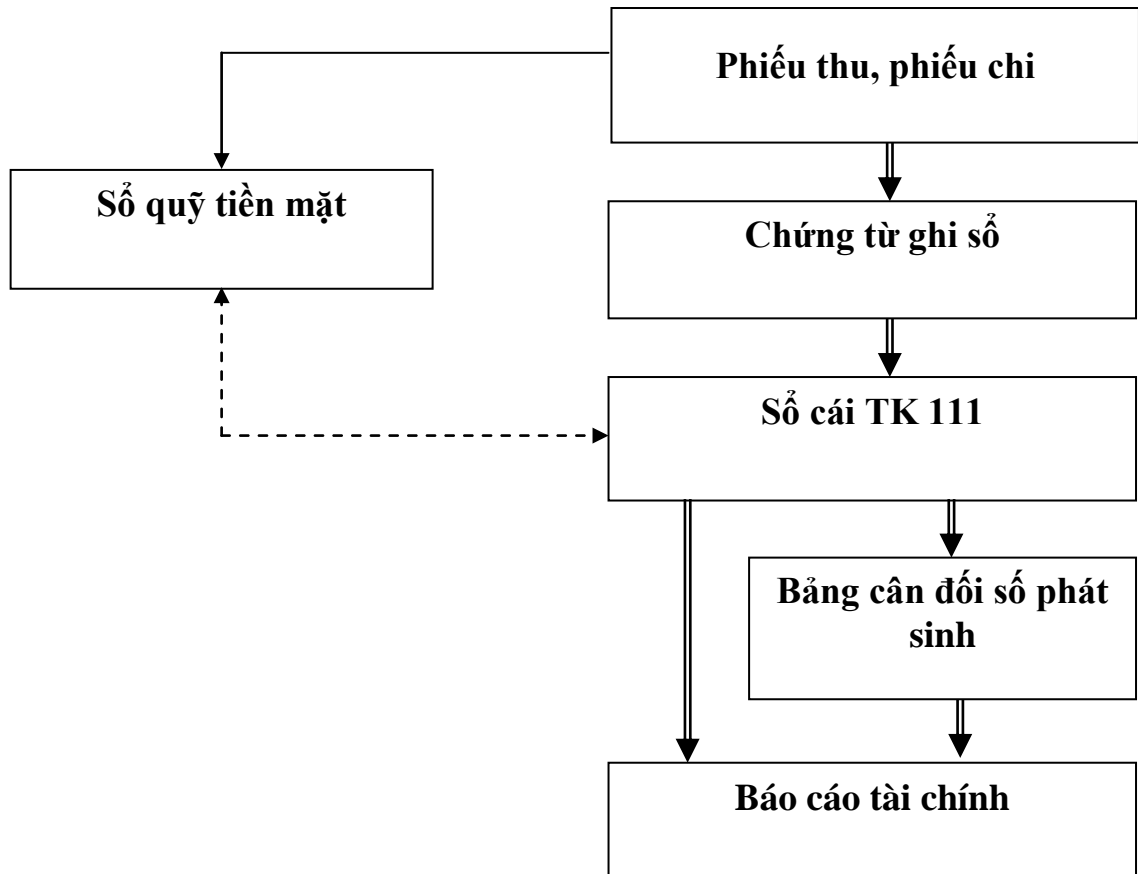
➤ Sổ sách sử dụng

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 111

2.2.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

Sơ đồ 2.4:

Quy trình luân chuyển chứng từ phần hành Tiền mặt tại quỹ của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←- - - - -> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán căn cứ vào hoá đơn bán hàng (mua hàng) để lập phiếu thu (phiếu chi), sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối với phiếu chi), sau đó phiếu thu (phiếu chi) được chuyển cho thủ quỹ để thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái tiền mặt. Cuối mỗi quý, căn cứ vào Sổ cái tiền mặt, kế toán vào Bảng cân đối tài khoản. Từ Bảng cân đối tài khoản và Sổ cái tiền mặt, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính cho quý đó.

Cụ thể như sau:

❖ **Nghiệp vụ 1**. Ngày 01/12/2009, Anh Phong mua hàng của công ty Cp vật tư máy tàu thủy An Phú HĐ0084225

Khi bán hàng cho Anh Phong, nhân viên bán hàng của công ty đã lập hoá đơn bán hàng thành 3 liên: liên 2 giao cho bên mua (hoá đơn đỏ), liên 3 dùng để làm căn cứ ghi sổ và liên 1 để lưu giữ.

Biểu số 2.2

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 01 tháng 12 năm 2009			Mẫu số: 01 GTKT-3LL NB/2009B 0084225		
Đơn vị bán hàng: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Đông – An Dương -HP Số tài khoản: Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Phong Tên đơn vị: Công ty TNHH Học Hoa Địa chỉ: 399 Tôn Đức Thắng – An Đông –An Dương - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sơ mi 36	Quả	2	3.700.000	7.400.000
2	Piston	Cái	3	1.058.000	3.174.000
Cộng tiền hàng:					10.574.000
Thuế suất GTGT: 10% x 50%		Tiền thuế GTGT:		528.700	
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.102.700
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm đồng ./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Từ hoá đơn bán hàng, kế toán sẽ lập 3 liên phiếu thu, 1 liên lưu, 2 liên còn lại giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ thu tiền xong rồi giao 1 liên cho người nộp tiền, 1 liên để ghi sổ kế toán.

Biểu số 2.3

CTY CP VTMTT AN PHÚ Số 512 Tôn Đức Thắng - HP	PHIẾU THU Số: PT335 <i>Ngày 01 tháng 12 năm 2009</i> <i>Nợ: 111</i> <i>Có: 511,3331</i>	Mẫu số 01-TT QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20 tháng 3 năm 2006 Của Bộ trưởng Bộ Tài chính <i>Quyển số 13</i>		
Họ và tên người nộp tiền:	<i>Trần Văn Phong</i>			
Địa chỉ:	Công ty TNHH Học Hoa			
Nội dung thanh toán:	Trả tiền mua phụ tùng vật tư			
Số tiền :	11.102.700 đồng			
Viết bằng chữ: <i>Mười một triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm đồng.</i>				
<i>Kèm theo 02 chứng từ gốc</i>				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>GĐ Nguyễn Hoàng Hoá</i>	<i>Nguyễn Thị Thuần</i>	<i>Phan Oanh</i>	<i>Phan Oanh</i>	<i>Trần Văn Phong</i>

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

❖ **Nghiệp vụ 2.** Ngày 30/12/2009, Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú mua hàng của Công ty CP Bắc Hải theo HĐ0047722 trả bằng tiền mặt.

Người mua hàng là anh Phan Thanh Tùng sẽ căn cứ vào hóa đơn lập giấy đề nghị thanh toán, và đưa giấy này cho kế toán công ty.

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán và hóa đơn, kế toán lập 2 phiếu chi, 1 liên lưu, 1 liên giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển liên đó cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Biểu số 2.4

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 11 tháng 12 năm 2009			Mẫu số: 01 GTKT-3LL NB/2008B 0047722		
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Bắc Hải Địa chỉ: P. Cửa Ông – Quảng Ninh Số tài khoản: Điện thoại: MS: <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Đào Nhật Phương Tên đơn vị: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Đông – An Dương - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Kim phun	Quả	5	520.000	2.600.000
2	Bạc Trục	Cặp	2	3.280.000	6.560.000
3	Bạc Biên	Cặp	2	3.500.000	7.000.000
Cộng tiền hàng:					16.160.000
Thuế suất GTGT: 10% x 50%		Tiền thuế GTGT:		808.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.968.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.5

Đơn vị: **CTY CP VẬT TƯ MTT AN PHÚ**
Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng - An Dương-HP

Mẫu số **05 -TT**
Theo **QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**
Ngày **20/03/2006** của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Họ tên người đề nghị thanh toán: **Đào Nhật Phương**

Địa chỉ: Phòng kế toán

Nội dung: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: **16.968.000**

Bằng chữ: *Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn./.*

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2009

Người đề nghị thanh toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.6

Đơn vị: **CTY CP VẬT TƯ MTT AN PHÚ**
Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng - An Dương-HP

Mẫu số **02 -TT**
Theo **QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**
Ngày **20/03/2006** của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 14

Số: PC421

Nợ: 156, 133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: **Đào Nhật Phương**

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Mua hàng

Số tiền : **16.968.000**

Bằng chữ : *Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn ./.*

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

❖ **Nghiệp vụ 3.** Ngày 30/12/2009, Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú trả tiền thuê kho tháng 9 năm 2009 theo HĐ 0052811.

Biểu số 2.7

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NB/2008B		
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 30 tháng 12 năm 2009			0052811		
Đơn vị bán hàng: Công ty CP thương mại và dịch vụ Việt Hùng					
Địa chỉ: 399 Tôn Đức Thắng – An Dương					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS:	0 2	0 0 2 0 7 5 9	1
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú					
Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Đông – An Dương -HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM		MS:	0 2	0 0 5 7 6 9 0	8
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Trả tiền thuê kho T12/2009	Tháng	01	3.297.000	3.297.000
Cộng tiền hàng:					3.927.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			392.700
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.319.700
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Kế toán căn cứ vào hóa đơn lập phiếu chi:

Biểu số 2.8

Đơn vị: CTY CP VẬT TƯ MTT AN PHÚ		Mẫu số 02 -TT		
Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng - An Dương-HP		Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		Quyền số: 14		
<i>Ngày 12 tháng 12 năm 2009</i>		Số: PC458		
		Nợ: 641, 133		
		Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Công ty CP thương mại và dịch vụ Việt Hùng				
Địa chỉ: 399 Tôn Đức Thắng – An Dương				
Lý do chi : Trả tiền thuê kho bãi				
Số tiền : 4.319.700				
Bằng chữ : Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng chẵn./.				
Kèm theo.....chứng từ gốc				
		<i>Ngày 12 tháng 12 năm 2009</i>		
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
<i>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):</i>				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....				
+ Số tiền quy đổi				
.....				

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Phiếu thu, phiếu chi hàng ngày được chuyển cho thủ quỹ để thực hiện thanh toán và vào sổ quỹ tiền mặt, sau đó chứng từ sẽ tiếp tục được chuyển cho kế toán để kế toán lập chứng từ ghi sổ kế toán tiếp tục vào Sổ cái tài khoản tiền mặt.

Biểu số 2.9

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Trích tháng 12 năm 2009

ĐVT: Đồng

NT ghi số	NT CT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				SDDK(T12/2009)			175.031.235	
01/12	01/12	PT335		Thu tiền hàng theo HĐ84225	11.102.700		186.133.935	
01/12	01/12		PC375	Trả tiền cước điện thoại		1.400.000	184.733.935	
01/12	01/12		PC376	Trả tiền mua đồ dùng văn phòng		946.000	183.787.935	
02/12	02/12	PT336		Rút TGNH nhập quỹ TM	84.000.000		267.787.935	
...	
12/12	12/12		PC421	Trả tiền mua hàng HĐ0047722		16.968.000	139.489.823	
13/12	13/12		PC422	Trả tiền mua dầu Do 0011198		1.246.000	138.243.823	
...	
30/12	30/12		PC458	Trả tiền thuê kho bãi tháng 12/2009		4.319.700	85.243.721	
30/12	30/12	PT406		Thu tiền hàng theo HĐ84242	16.879.480		102.123.201	
				<i>Cộng phát sinh</i>	3.022.520.254	3.095.428.288		
				SDCK			102.123.201	

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.10

SỔ THEO DÕI THU TIỀN MẶT

Tháng 12/2009

Ngày tháng	SH CT	Diễn giải	Ghi Nợ TK 111, Ghi Có các TK...				
			TK 511	TK 3331	TK 311	TK 112	CỘNG TK 111
01/12	PT335	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84225	10.574.000	528.700			11.102.700
02/12	PT336	Rút TGNH về nhập quỹ TM				84.000.000	
02/12	PT340	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84227	18.950.000	947.500			19.897.500
04/12	PT344	Vay ngắn hạn Ô. Thế Tường			300.000.000		
05/12	PT349	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84229	350.000.000	17.500.000			367.500.000
07/12	PT350	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84230	19.470.000	973.500			20.443.500
09/12	PT354	Rút TGNH về nhập quỹ TM				250.700.000	
10/12	PT360	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84232	79.564.500	3.978.225			83.542.725
11/12	PT365	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84233	252.464.000	12.623.200			265.087.200
14/12	PT370	Rút TGNH về nhập quỹ TM				187.871.000	
18/12	PT377	Vay ngắn hạn Bà. Nguyễn T. Ngân			250.000.000		
21/12	PT383	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84236	48.564.500	2.428.225			50.992.725
22/12	PT387	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84238	148.753.000	7.437.650			156.190.650
25/12	PT394	Thu tiền bán hàng theo HĐ 84239	29.854.400	1.492.720			31.347.120
29/12	PT398	Rút TGNH về nhập quỹ TM				43.000.000	
30/12	PT406	Thu tiền bán hàng theo HĐ84242	16.075.695	803.785			16.879.480
		Cộng	974.270.095	90.619.280	550.000.000	565.571.000	2.180.460.375

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.11

CHỨNG TỪ CHI SỔ

Số: 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền bán hàng bằng tiền mặt	111	511	974.270.095	
Bán hàng thu thuế GTGT	111	3331	90.619.280	
Vay ngắn hạn tiền mặt	111	311	550.000.000	
Rút tiền Ngân hàng về nhập quỹ	111	112	565.571.000	
Cộng			2.180.460.375	

Kèm theo 16 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.12

SỔ THEO DÕI CHI TIỀN MẶT

Tháng 12/2009

Ngày tháng	SHCT	Diễn giải	Ghi Có TK 111, Ghi Nợ các TK...				
			TK 112	TK 156	TK133	TK 642	CỘNG TK 111
01/12	PC375	Chi TM trả tiền cước điện thoại			127.273	1.272.727	1.400.000
01/12	PC376	Chi TM trả tiền mua VP phẩm			86.000	860.000	946.000
03/12	PC	Chi TM nộp tiền vào tài khoản TGNH	16.000.000				
04/12		Chi TM thanh toán tiền mua hàng		49.750.100	2.487.505		52.237.605
7/12		Chi TM nộp tiền vào tài khoản TGNH	600.000.000				600.000.000
12/12	PC421	Trả tiền mua hàng theo HĐ 0047722		16.160.000	808.000		16.968.000
.....
23/12		Chi TM nộp tiền vào tài khoản TGNH	350.000.000				350.000.000
25/12		Chi TM nộp tiền vào tài khoản TGNH	164.000.000				164.000.000
26/12		Chi TM thanh toán tiền mua hàng		12.379.300	618.965		12.998.265
30/12		Chi TM nộp tiền vào tài khoản TGNH	406.000.000				406.000.000
		Cộng	1.636.000.000	78.289.400	9.457.416	6.453.720	1.730.200.536

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.13

CHỨNG TỪ CHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi TM nộp tiền vào TK TGNH	112	111	1.636.000.000	
Chi TM mua hàng hoá	156	111	78.289.400	
Chi TM trả tiền thuế GTGT	133	111	9.457.416	
Chi phí quản lý bằng TM	334	111	6.453.720	
Cộng			1.730.200.536	

Kèm theo 22 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số : 2.14

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

CHỨNG TỪ GHI SỔ		SỐ TIỀN
Số hiệu	Ngày, tháng	
1	2	3
01/12	31/12	526.468.422
02/12	31/12	462.052.486
03/12	31/12	2.180.460.375
04/12	31/12	1.730.200.536
05/12	31/12	126.156.455
06/12	31/12	42.486.526
07/12	31/12	75.456.942
.....
Cộng		6.456.853.142

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

- Sau đó sẽ vào sổ cái TK 111.

Biểu số 2.15

SỔ CÁI TK 111

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản : Tiền mặt

(Trích Sổ cái TK tháng 12/2009)

Ngày tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		<i>175.031.235</i>	
<i>31/12</i>	<i>03/12</i>	<i>31/12</i>	Thu tiền bán hàng bằng TM	511	<i>974.270.095</i>	
			Bán hàng thu thuế GTGT	3331	<i>90.619.280</i>	
			Vay ngắn hạn tiền mặt	311	550.000.000	
			Rút tiền NH về nhập quỹ TM	112	<i>565.571.000</i>	
<i>31/12</i>	<i>04/12</i>	<i>31/12</i>	Chi TM nộp tiền vào TKTGNH	112		1.636.000.000
			Chi TM mua hàng hoá	156		78.289.400
			Chi TM trả tiền thuế GTGT	133		9.457.416
			Chi phí quản lý bằng TM	334		6.453.720
.....
.....
			<i>Cộng PS</i>		<i>3.022.520.254</i>	<i>3.095.428.288</i>
			<i>SDCK</i>		<i>102.123.201</i>	

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

2.2.2 Kế toán Tiền gửi ngân hàng tại Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú

Theo quy định tất cả các khoản tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp đều phải gửi vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hay các công ty tài chính. Khi cần chi tiêu doanh nghiệp làm thủ tục rút tiền hay chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi Ngân hàng.

Tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú, kế toán tiền gửi Ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi Ngân hàng của công ty đều căn cứ vào các chứng từ như: giấy báo nợ, lệnh chuyển có hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo chứng từ gốc như ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản...

Khi nhận được giấy báo của Ngân hàng, kế toán tiền gửi Ngân hàng phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch thì phải báo với Ngân hàng để kịp thời đối chiếu và xác minh. Sau khi đã đối chiếu hợp lý, kế toán căn cứ vào giấy báo nợ, lệnh chuyển có của Ngân hàng để ghi sổ chi tiết tài khoản tiền gửi và lập Báo cáo thu chi tiền gửi Ngân hàng.

2.2.2.1 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Bản sao kê của ngân hàng (kèm theo chứng từ gốc như: lệnh chi)

Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan như: Hoá đơn GTGT của hàng hoá mua vào hoặc bán ra...

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 112 (1121: Tiền gửi ngân hàng – Việt Nam Đồng)
- Trong đó: TK 112 CT – Tiền gửi ngân hàng Công thương

➤ Sổ sách sử dụng

- Sổ tiền gửi ngân hàng
- Sổ chi tiết TK 112
- Sổ cái TK 112

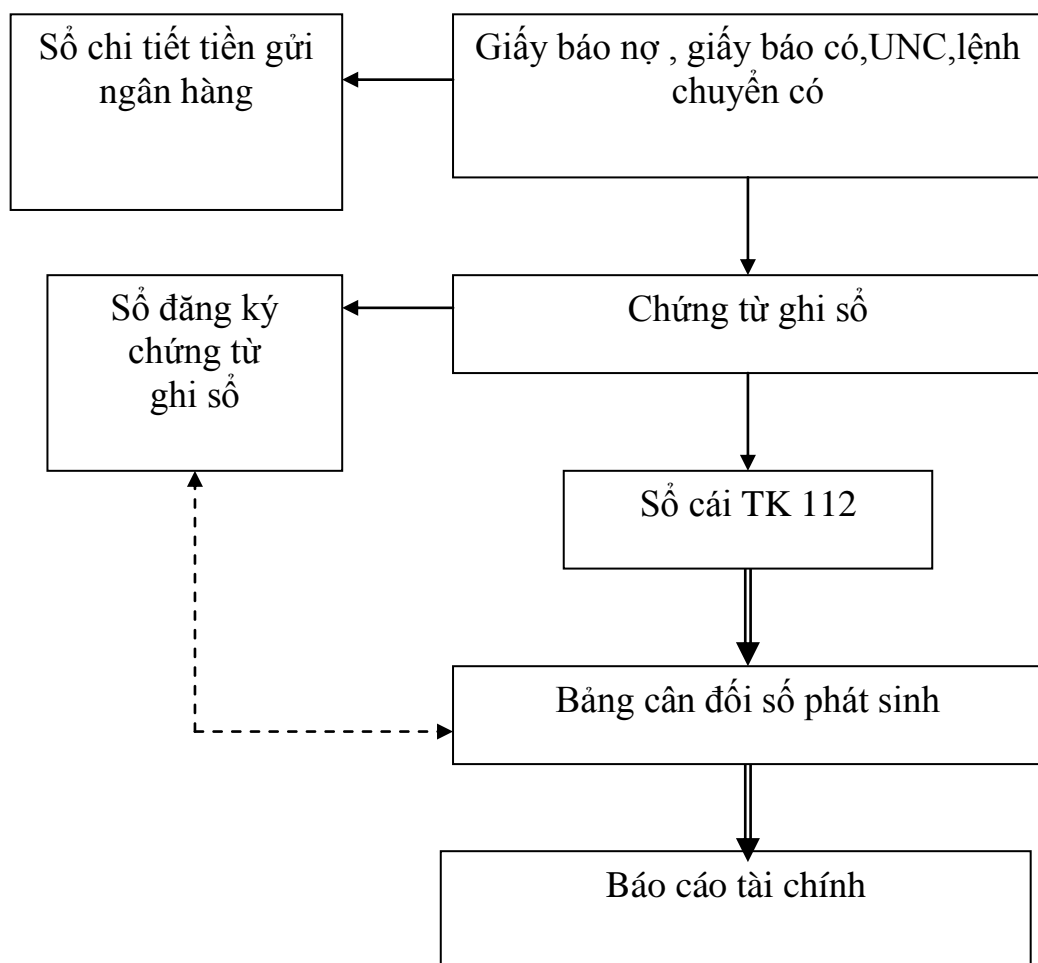
2.2.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú có tiền gửi tại Ngân hàng Công thương (Số TK 102010000212882)

Quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú được thể hiện qua sơ đồ 2.2.2

Sơ đồ: 2.5

Quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, lệnh chuyển có, bản sao kê chi tiết tài khoản, kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 112 (mở chi tiết theo Ngân hàng Công Thương Lê Chân). Cuối tháng Kế toán căn cứ vào chứng từ ngân hàng lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ Cái TK 112.

Cuối tháng, từ Sổ cái tài khoản tiền gửi kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh, từ Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản tiền gửi, trên cơ sở đó kế toán lập Báo cáo tài chính cho quý đó

➤ Nghiệp vụ phát sinh tăng tiền gửi tại Ngân hàng Công thương

❖ **Nghiệp vụ 1:** Ngày 05/12/2009 Bà Phan Thị Oanh nộp tiền vào Ngân hàng Công Thương số tiền 150.000.000 VNĐ. Căn cứ vào giấy nộp tiền (**Biểu số 2.16**) Ngân hàng gửi sổ tài khoản chi tiết (**Biểu số 2.17**)

Biểu số: 2.16

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

Giấy nộp tiền

Cash Deposit Slip

Số No..... Ngày Date 05 / 12 / 2009

Liên 2 Giao cho người nộp Copy 2 Depositor'copy

Người nộp Deposited By *Phan Thị Oanh*

Địa chỉ Address *Hải Phòng*

Số tài khoản A/c No *102010000212882*

Tên tài khoản A/c name: *Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú*

Tại ngân hàng With Bank *Công thương Lê Chân*

Số tiền bằng chữ Amount in words

Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Số tiền bằng số Amount in figure
150.000.000 VND

Nội dung Remarks *Nộp tiền vào tài khoản*

Người nộp

Deposited by

Thủ quỹ

Cashier

Giao dịch viên

Teller

Kiểm soát viên

Supervisor

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán)

Biểu số 2.17

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN

VIETINBANK

SỔ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Statement of Account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ from date: 05/12/09 đến ngày/To date: 05/12/09

Số tài khoản/ Account No: **102010000212882** Tiền tệ/ Currency: VNĐ

Tên tài khoản/ Account name: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú.

Ngày PS trước/ Previoid:

SDDK/ Beginning Balance: 5.681.424 đồng

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh Transaction date	Số chứng từ Document No	Nội dung giao dịch Description
05/12/2009		Chuyển tiền vào TK

Doanh số phát sinh (Transted Amount)

<u>Nợ (Debit)</u>	<u>Có (Credit)</u>
	150.000.000

Giao dịch viên
Teller

Kiểm soát viên
Supervisor

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

❖ **Nghiệp vụ 2:** Ngày 08/12/2009 Công ty Cổ phần sản xuất-Xuất nhập khẩu-Hồng Minh thanh toán tiền hàng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, Công ty Cổ phần sản xuất-Xuất nhập khẩu-Hồng Minh đến Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội để phát lệnh chi.

Ngân hàng Công thương Lê Chân lập lệnh chuyển có khi thấy tiền về đến tài khoản của Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú. Kế toán Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú lấy lệnh chuyển có của Ngân hàng và bản Sổ tài khoản chi tiết về làm chứng từ gốc ghi sổ.

Biểu số 2.18

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG		Mã KS: NTTL5 110

LỆNH CHUYỂN CÓ		
Số bút toán: 00000010	Ngày, giờ lập: 08/12/09-09:13:25	
Loại giao dịch: Giá trị thấp	Ngày, giờ nhận: 08/12/09-16:05:51	
Số hiệu giao dịch: 11200062	Mã NH: 23502016	TK Nợ: 1121
Ngân hàng gửi: NH NT Tp HN	Mã NH: 23201065	TK Có: 131
Ngân hàng nhận: NHCT Lê Chân HP		
Người phát lệnh: Công ty Cổ phần sản xuất - Xuất nhập khẩu-Hồng Minh		
Địa chỉ/số CMND: P102 BC2TT-Thành công-P.Thành Công-Q.Ba Đình-HN		
Tài khoản: 0103001434	Tại NH: 00071004761907-NHNT TP HN	
Người nhận lệnh: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú		
Địa chỉ/số CMND: 512 Tôn Đức Thắng – An Dương - HP		
Tài khoản: 102010000212882	Tại NH: NHCT Lê Chân HP	
Nội dung: Thanh toán tiền hàng theo hóa đơn 0047742		
Số tiền bằng số: 135.498.000		
Số tiền bằng chữ: Một trăm ba lăm triệu bốn trăm chín tám nghìn đồng		
KẾ TOÁN	KIỂM SOÁT	CHỦ TÀI KHOẢN
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.19

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN

VIETINBANK

SỔ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Statement of Account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ from date: 08/12/09 đến ngày/To date: 08/12/09

Số tài khoản/ Account No: **102010000212882** Tiền tệ/ Currency: VNĐ

Tên tài khoản/ Account name: **Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú**

Ngày PS trước/ Previoid:

SDDK/ Beginning Balance: 29.171.873 đồng

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh
Transaction date
08/12/2009

Số chứng từ
Document No

Nội dung giao dịch
Description
Chuyển tiền vào TK

Doanh số phát sinh (Transted Amount)

<u>Nợ (Debit)</u>	<u>Có (Credit)</u>
	135.498.000

Giao dịch viên
Teller

Kiểm soát viên
Supervisor

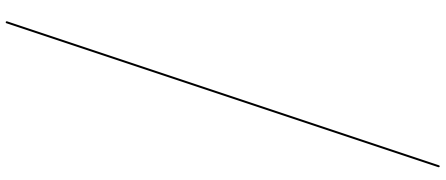
(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

➤ **Nghiệp vụ phát sinh giảm tiền gửi tại ngân hàng Công Thương**

❖ **Nghiệp vụ 3.** Ngày 13 tháng 12 năm 2009, chi tiền cước biển tàu Ocean Park V36 bằng tiền gửi Ngân hàng

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0052785, kế toán công ty gửi Lệnh chi đến Ngân hàng Công thương Lê Chân Hải Phòng. Ngân hàng nhận được Lệnh chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi bản Sổ tài khoản chi tiết.

Biểu số 2.20

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 13 tháng 12 năm 2009			Mẫu số: 01 GTKT-3LL NB/2009B 0052785		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ S.T.C Địa chỉ: 27C Điện Biên Phủ-P.Minh Khai-Hồng Bàng-Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Dương -HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: CK MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước biển (HP-HCM) Tàu Ocean Park V10 ngày 29/10/2009 	Cont	10*40'	13.000.000	130.000.000
Cộng tiền hàng:					130.000.000
Thuế suất GTGT: 10%*50%		Tiền thuế GTGT:		6.500.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					136.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.21

Lệnh chi	Số : 11215									
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN	Lập ngày: 13/12/09									
Đơn vị trả tiền: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú Số tài khoản: 102010000212882 Tại ngân hàng: Công thương Lê Chân Tỉnh, TP: Hải Phòng	<table border="1"><tr><td>PHẦN DO NH GHI</td></tr><tr><td>TÀI KHOẢN NỢ</td></tr><tr><td>TÀI KHOẢN CÓ</td></tr></table>	PHẦN DO NH GHI	TÀI KHOẢN NỢ	TÀI KHOẢN CÓ						
PHẦN DO NH GHI										
TÀI KHOẢN NỢ										
TÀI KHOẢN CÓ										
Đơn vị nhận tiền: Công ty Cổ phần TM và DV S.T.C Số tài khoản: 00120130003054 Tại ngân hàng: Ngoại thương Tỉnh, TP: Hải Phòng										
Số tiền bằng chữ: : Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.	<table border="1"><tr><td>Số tiền bằng số 136.500.000</td></tr></table>	Số tiền bằng số 136.500.000								
Số tiền bằng số 136.500.000										
Nội dung thanh toán: Trả tiền cước vận chuyển hàng										
<table border="1"><tr><td>Đơn vị trả tiền</td><td>Ngân hàng A</td><td>Ngân hàng B</td></tr><tr><td></td><td>Ghi sổ ngày: 13/12/09</td><td>Ghi sổ ngày: 13/12/09</td></tr><tr><td>Kế toán Chủ tài khoản</td><td>Kế toán TP. Kế toán</td><td>Kế toán TP. Kế toán</td></tr></table>	Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B		Ghi sổ ngày: 13/12/09	Ghi sổ ngày: 13/12/09	Kế toán Chủ tài khoản	Kế toán TP. Kế toán	Kế toán TP. Kế toán	
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B								
	Ghi sổ ngày: 13/12/09	Ghi sổ ngày: 13/12/09								
Kế toán Chủ tài khoản	Kế toán TP. Kế toán	Kế toán TP. Kế toán								

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.22

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN

VIETINBANK

SỔ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Statement of Account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ from date: 13/12/09 đến ngày/To date: 13/12/09

Số tài khoản/ Account No: 102010000212882 Tiền tệ/ Currency: VNĐ

Tên tài khoản/ Account name: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú

Ngày PS trước/ Previoid:

SDDK/ Beginning Balance: **159.453.267** đồng

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh
Transaction date
13/12/2009

Số chứng từ
Document No

Nội dung giao dịch
Description
Trả tiền cước vận chuyển
theo HĐ0052785

Doanh số phát sinh (Transted Amount)

<u>Nợ (Debit)</u>	<u>Có (Credit)</u>
136.500.000	

Giao dịch viên
Teller

Kiểm soát viên
Supervisor

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số: 2.23

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

CN: Lê Chân Hải Phòng

MST: 01001119480471

Ngày giao dịch: 13/12/2009

Số bút toán: 270012

Kỳ HĐ: CT/2010-025

Số HĐ:049562

PHIẾU BÁO NỢ

Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

Số TK ghi nợ: 102010000212882

Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Dương- Hải Phòng

Nội dung: Thanh toán tiền cước vận chuyển hàng theo HĐ 0052785

Số tiền bằng số: **136.500.000 VNĐ**

Số tiền bằng chữ: *Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.*

KHÁCH HÀNG

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG/KIỂM SOÁT

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

❖ **Nghiệp vụ 4.** Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú mua hàng của Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Ngọc thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng.

Biểu số 2.24

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NB/2009B		
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 17 tháng 12 năm 2009			0052776		
Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Ngọc					
Địa chỉ: 47 Hùng Vương, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú					
Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Dương - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK MS <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gioăng quy lát	Sợi	46	68.000	3.128.000
2	Bơm cao áp	Cái	4	4.750.000	19.000.000
Cộng tiền hàng:					22.128.000
Thuế suất GTGT: 10%x 50%			Tiền thuế GTGT:		1.106.400
Tổng cộng tiền thanh toán:					23.234.400
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm đồng./.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.25

LỆNH CHI	Số : 11215			
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN	Lập ngày: 17/12/09			
Đơn vị trả tiền: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú.	<table border="1"><tr><td>Phần do NH ghi</td></tr><tr><td>TK NỢ</td></tr><tr><td>TK CÓ</td></tr></table>	Phần do NH ghi	TK NỢ	TK CÓ
Phần do NH ghi				
TK NỢ				
TK CÓ				
Số tài khoản: 102010000212882				
Tại ngân hàng: Công thương Lê Chân Tỉnh, TP: Hải Phòng				
Đơn vị nhận tiền: Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Ngọc	<table border="1"><tr><td>Số tiền bằng số 23.234.400</td></tr></table>	Số tiền bằng số 23.234.400		
Số tiền bằng số 23.234.400				
Số tài khoản: 000035212357				
Tại ngân hàng: Ngoại thương Tỉnh, TP: Hải Phòng				
Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm đồng./.				
Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền hàng theo hóa đơn 0052776				
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B		
	Ghi sổ ngày: 17/12/09	Ghi sổ ngày: 17/12/09		
Kế toán Chủ tài khoản	Kế toán TP. Kế toán	Kế toán TP. Kế toán		

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.26

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN

VIETINBANK

SỔ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Statement of Account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ from date: 17/12/09 đến ngày/To date: 17/12/09

Số tài khoản/ Account No: 102010000212882 Tiền tệ/ Currency: VNĐ

Tên tài khoản/ Account name: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú

Ngày PS trước/ Previoid:

SDDK/ Beginning Balance: 35.684.127 đồng

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh
Transaction date
17/12/2009

Số chứng từ
Document No

Nội dung giao dịch
Description
Thanh toán tiền hàng theo
hóa đơn 0052776

Doanh số phát sinh (Transted Amount)

<u>Nợ (Debit)</u>	<u>Có (Credit)</u>
23.234.400	

Giao dịch viên
Teller

Kiểm soát viên
Supervisor

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số: 2.27

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

CN: Lê Chân Hải Phòng

MST: 01001119480471

Ngày giao dịch: 17/12/2009

Số bút toán: 270526

Kỳ HĐ: CT/2010-025

Số HĐ:049953

PHIẾU BÁO NỢ

Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

Số TK ghi nợ: 102010000212882

Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Dương- Hải Phòng

Nội dung: Thanh toán tiền cước vận chuyển hàng theo HĐ 0052776

Số tiền bằng số: **23.234.400 VNĐ**

Số tiền bằng chữ: *Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm đồng chẵn./.*

KHÁCH HÀNG

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG/KIỂM SOÁT

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

2.2.2.2.1 Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

2.2.2.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

- Từ giấy báo có và sổ khoản chi tiết, giấy báo nợ. Kế toán vào sổ chi tiết TK 112
- Từ giấy báo có và giấy báo nợ kế toán lập chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán tổng hợp từ sổ chi tiết TK 112 vào bảng tổng hợp chi tiết TK 112, đồng thời kế toán tổng hợp số liệu để vào sổ cái TK 112
- Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái TK 112 vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh vào các báo cáo tài chính

Biểu số 2.28

SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Trích tháng 12 năm 2009

Tài khoản 112 – Tiền gửi NH Công Thương Lê Chân

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Gửi vào	Rút ra	Còn lại	
		SDDK(T12/2009)			176.271.024		
CT 01/12	02/12	TT tiền hàng cho Cty Bắc Hải HĐ 0086411	156		256.752.000	150.519.024	
		+ VAT được khấu trừ	133		12.837.600	137.681.424	
PT337	02/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ TM	1111		84.000.000	53.681.424	
PC358	05/12	Nộp tiền mặt vào TK	112	150.000.000		203.681.424	
CT 01/12	06/12	Tạm ứng tiền mua vật tư cho Cty Tuấn Long	141		100.000.000	103.681.424	
CT 02/12	08/12	Cty CP SX \$ XNK Hồng Minh thanh toán tiền HĐ	131	135.498.000		239.179.424	
PT350	11/12	Rút TG nhập quỹ TM	111		75.500.000	163.679.424	
CT 03/12	13/12	Trả tiền cước vận chuyển	641		130.000.000	33.679.424	
		+ VAT được KT	133		6.500.000	27.179.424	
CT 04/12	14/12	Trả phí chuyển tiền	642		2.500.000	24.679.424	
CT 05/12	15/12	Thu tiền bán hàng	131	308.420.000		333.099.424	
CT 06/12	17/12	Trả tiền mua hàng	156		22.128.000	310.971.424	
		+ VAT được KT	133		1.106.400	309.865.024	
CT 07/12	18/12	Thu tiền bán hàng	131	1.280.000		311.145.024	
CT 08/12	20/12	Trả tiền hàng	331		42.673.000	268.472.024	
...	
		Cộng phát sinh		1.568.538.000	1.575.932.551		
		SDCK				130.286.873	

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.29

SỔ THEO DÕI THU TGNH

Tháng 12/2009

Ngày tháng	SH CT	Diễn giải	Ghi Nợ TK 112, Ghi Có các TK...				
			TK511	TK3331	TK 131	TK 515	CỘNG TK 112
08/12	CT 03/12	Cty CP SX \$ XNK Hồng Minh TT tiền HĐ			135.498.000		135.498.000
15/12	CT06/12	Cty Học Hoa trả tiền mua hàng			308.420.000		308.420.000
18/12	CT08/12	Cty công trình xây dựng Quảng Tây TT tiền cầu hàng			1.280.000		1.280.000
19/12	CT09/12	Cty Đại Sơn TT tiền mua máy	75.000.000	3.750.000			78.750.000
21/12	CT11/12	Cty Quyết Thắng TT tiền mua hàng			45.760.000		45.760.000
21/12	CT12/12	Cty TNHH Tuấn Long TT tiền mua máy phát			75.460.000		75.460.000
22/12	CT15/12	Cty Phương Nam TT tiền mua máy			158.800.000		158.800.000
23/12	CT16/12	Ngân hàng trả lãi TGNH				346.751	346.751
23/12	CT17/12	Cty TNHH Tiến Đại TT tiền mua VT	25.756.000	1.287.800			27.043.800
.....
		Cộng	168.420.500	8.421.025	795.218.000	346.751	972.406.276

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.30

CHỨNG TỪ CHI SỔ

Số: 11/12

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Khách hàng TT tiền hàng bằng TGNH	112	511	168.420.500	
Tiền thuế GTGT đầu ra	112	3331	8.421.025	
Thu tiền khách hàng trả nợ bằng CK	112	131	725.218.000	
Ngân hàng trả lãi TGNH T12/09	112	515	346.751	
Cộng			972.406.276	

Kèm theo 17 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.31

SỔ THEO DÕI CHI TGNH

Tháng 12/2009

Ngày tháng	SH CT	Diễn giải	Ghi Có TK 112,Ghi Nợ các TK...				
			TK 156	TK 133	TK 641	TK 642	CỘNG TK112
02/12	CT 01/12	TT tiền hàng cho Cty Bắc Hải HĐ 0086411	256.752.000	12.837.600			899.589.600
13/12	CT 04/12	TT tiền cước v/chuyển theo HĐ 0052785		6.500.000	130.000.000		136.500.000
14/12	CT 05/12	TT tiền phí chuyên tiền cho NHCT theo phiếu CT/2010-750				2.500.000	
17/12	CT 07/12	TT tiền hàng cho DNTN Mỹ Ngọc HĐ 0052776	22.128.000	1.106.400			23.234.400
21/12	CT18/12	TT cho Cty Tiên Dững tiền v/chuyển máy phát		772.500	15.450.000		16.222.500
24/12	CT 20/12	TT tiền hàng cho Cty Bình An HĐ 0076542	47.423.000	2.371.150			49.794.150
24/12	CT 21/12	TT tiền sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác		520.000		5.200.000	5.720.000
	
		Cộng	878.880.000	51.216.500	145.450.000	2.500.000	1.078.046.500

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.32

CHỨNG TỪ CHI SỔ

Số: 15/12

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
TT tiền mua hàng bằng TGNH	156	112	878.880.000	
TT tiền thuế GTGT đầu vào bằng CK	133	112	51.216.500	
TT tiền vận chuyển hàng bán bằng CK	641	112	145.450.000	
TT tiền phí chuyển tiền cho NH	642	112	2.500.000	
Cộng			1.078.046.500	

Kèm theo 13 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.33

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

CHỨNG TỪ GHI SỔ		SỐ TIỀN
Số hiệu	Ngày, tháng	
1	2	3
.....	
11/12	31/12	972.406.276
12/12	31/12	426.523.120
13/12	31/12	45.856.422
14/12	31/12	785.548.410
15/12	31/12	1.078.046.500
16/12	31/12	456.865.321
.....
Cộng		13.456.853.142

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

Biểu số 2.34

SỔ CÁI TK 112

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản : Tiền gửi Ngân hàng

(Trích Sổ cái TK tháng 12/2009)

Ngày tháng Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		137.681.424	
31/12	04/12	31/12	Nộp TM vào TKTG ngân hàng	111	1.636.000.000	
31/12	11/12	31/12	Khách hàng TT tiền hàng bằng TGNH	511	168.420.500	
			Tiền thuế GTGT đầu ra	3331	8.421.025	
			Thu tiền khách hàng trả nợ bằng CK	131	725.218.000	
			Ngân hàng trả lãi TGNH T12/09	515	346.751	
.....
31/12	03/12	31/12	Rút TGNH về nhập quỹ TM	111		565.571.000
31/12	15/12	31/12	TT tiền mua hàng bằng TGNH	156		878.880.000
			TT tiền thuế GTGT đầu vào bằng CK	133		51.216.500
			TT tiền vận chuyển hàng bán bằng CK	641		145.450.000
			TT tiền phí chuyển tiền cho NH	642		2.500.000
.....
			Cộng PS		1.568.538.000	1.575.932.551
			SDCK		130.286.873	

(Nguồn lấy từ phòng Tài chính – kế toán)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THUYỀN AN PHÚ

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, công ty đã phải trải qua biết bao những khó khăn để tồn tại cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm qua ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần khẳng định vị trí của mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục trong toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của công ty. Điều đó đã mang lại công ăn việc làm cho những người lao động và góp phần không nhỏ vào ngân sách nhà nước.

Để có được những thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những cán bộ công nhân viên có trình độ, có năng lực và nhiệt tình trong công việc. Việc bố trí nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi người đã góp phần đặc biệt vào công tác hạch toán và quản lý tài chính kinh tế trong Công ty. Trong nội bộ phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm, mỗi người đều có nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhưng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau về nghiệp vụ đảm bảo số liệu hạch toán được kịp thời, chính xác và thông suốt. Đây chính là kết quả của quá trình hợp lý hoá bộ máy kế toán của Công ty. Mỗi nhân viên trong phòng đều hiểu rõ và có trách nhiệm làm tốt chức năng nhiệm vụ được giao của mình, luôn học hỏi để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán gọn nhẹ và vững mạnh, tạo điều kiện cho từng người và toàn bộ máy kế toán hoàn thành nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty có những ưu điểm và hạn chế sau :

3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

➤ *Về tổ chức bộ máy kế toán*

Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty đã quan tâm chú trọng các biện pháp quản lý kinh tế. Với hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung, công tác kế toán ở Công ty được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ nhân viên kế toán phù hợp với năng lực trình độ bản thân nên chất lượng công tác kế toán được nâng cao, phục vụ cho quá trình ghi chép, quản lý, lưu trữ, luân chuyển chứng từ chính xác, hiệu quả cao. Phương pháp hạch toán kế toán của Công ty tuân theo chế độ kế toán mới, các chứng từ sổ sách rõ ràng, chính xác, đúng trình tự tạo điều kiện cho việc kiểm tra của lãnh đạo Công ty về kết quả kinh doanh.

➤ *Về chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:*

Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng sổ theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra, tổ chức hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

➤ *Về sổ sách kế toán:*

Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, như: sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, sổ cái tiền mặt, sổ cái tiền gửi ngân hàng. Điều đó thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

➤ Về cập nhập thông tin:

Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phân hành Công ty đã kịp thời cập nhập để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

➤ Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:

Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp lao vào cuộc cạnh tranh nhau để chứng tỏ mình là một doanh nghiệp có tiềm năng nhằm thu hút vốn đầu tư tạo ra lợi nhuận cao nhất. Muốn làm được điều này thì các nhà quản lý cần phải có chiến lược cạnh tranh, nghiên cứu thị trường để khai thác một cách có hiệu quả nhất đạt được lợi nhuận trong kinh doanh. Một biện pháp quan trọng đó là nâng cao công tác kế toán. Tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú, ban lãnh đạo Công ty đã rất chú trọng tới vấn đề này. Phòng kế toán thường xuyên chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ đều có trình độ đại học. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với sự phân công phân nhiệm rõ ràng cho từng người đã tạo nên một bộ máy hoàn chỉnh. Cả phòng kế toán làm việc ăn khớp nhịp nhàng, có hiệu quả, cung cấp số liệu cụ thể, chính xác, chi tiết và tổng hợp cho những nhà quản lý một cách đầy đủ, kịp thời nhằm thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và trong phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

3.1.2 Hạn chế về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

Có thể nói công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú đã tiến hành có kế hoạch đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty. Với những ưu điểm trên, công tác quản lý vốn bằng tiền ngày càng được phát huy nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Tuy nhiên, nếu đi sâu vào nghiên cứu cụ thể về công tác tài chính kế toán vốn bằng tiền thì công tác kế toán ở Công ty vẫn còn hạn chế cần nghiên cứu, bên cạnh những ưu điểm đó song do những yếu tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty vẫn còn một số vấn đề cần phải nghiên cứu và cần được tiếp tục bổ sung và hoàn thiện.

➤ Về chứng từ sổ sách kế toán:

Công ty không sử dụng bảng kê chi tiền mặt do đó không liệt kê được các khoản tiền đã chi để làm căn cứ quyết toán các khoản đã chi.

Công ty chưa sử dụng đúng mẫu giấy thanh toán tiền tạm ứng theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

➤ Về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán

Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội nền sản xuất cũng không ngừng phát triển. Để đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý đòi hỏi phải đảm bảo chất lượng cũng như khối lượng thông tin hạch toán ngày càng tăng. Đặc biệt là công tác quản trị doanh nghiệp trong cơ chế thị trường cạnh tranh như hiện nay, đòi hỏi khối lượng thông tin phải chính xác, kịp thời để đưa ra những quyết định đúng đắn. Tất cả những điều này thể hiện sự cần thiết phải sử dụng máy vi tính trong quản trị doanh nghiệp, nhất là phần mềm kế toán đối với công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

➤ Về việc quản lý quỹ tiền mặt

Hàng tháng, Công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định

số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa, thiếu so với sổ quỹ, trên cơ sở đó có biện pháp tăng cường và quản lý quỹ, tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch đó, tránh được thất thoát về tiền, đưa ra những biện pháp quản lý quỹ tốt và đạt hiệu quả cao hơn.

➤ Về hệ thống tài khoản

Địa bàn hoạt động của Công ty trải rộng trên toàn quốc nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của ngân hàng nhưng hiện nay Công ty lại không sử dụng TK 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

Mặt khác, khi giao dịch tiền mặt với các doanh nghiệp khác có thể doanh nghiệp đó thanh toán dứt điểm tiền hàng cho Công ty mình, nhưng trên thương trường cũng không thiếu những doanh nghiệp nợ, chiếm dụng vốn khi đến hạn mà vẫn chưa trả. Do vậy, Công ty nên lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi” để theo dõi sát thực tế hơn.

➤ Về việc quản lý vốn chưa tốt

Hiện nay, Công ty đang bị khách hàng chiếm dụng một lượng vốn cao do đặc điểm sản xuất kinh doanh của ngành thương mại về buôn bán máy thủy, cầu nâng hạ. Có nhiều tàu bè đã được lắp đặt máy bàn giao và đã đưa vào sử dụng 1, 2 năm nhưng chủ đầu tư vẫn chưa thanh toán. Vì vậy lượng vốn đó bị khách hàng chiếm giữ. Và để có vốn đầu tư mua hàng hoá về bán thì Công ty phải đi vay nên hiện nay Công ty phải trả một khoản lãi vay tương đối lớn làm cho chi phí kinh doanh tăng lên.

3.2 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú, căn cứ vào những tồn tại khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền của Công ty, căn cứ vào những quy định của Nhà nước và Bộ tài chính, đồng thời với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và các Bác, các chị tại phòng kế toán Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú, kết hợp với lý luận đã học tại trường, em xin đề xuất một số ý kiến sau đây hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại Công ty

❖ Thứ nhất, về chứng từ và lập bảng kê

Để công tác kế toán vốn bằng tiền tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới thì Công ty nên sử dụng đúng mẫu phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC với mẫu sau:

Biểu số 3.1

CTY CP VTMTT AN PHÚ Số 512 Tôn Đức Thắng - HP MST: 0200576908	PHIẾU THU Liên 1 Số: PT335 Ngày 01 tháng 12 năm 2009	Mẫu số 01-TT QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14 tháng 09 năm 2006 Của Bộ trưởng Bộ Tài chính <i>Quyển số 13</i> <i>Nợ: 111</i> <i>Có: 511</i> <i>Có: 3331</i>		
Họ và tên người nộp tiền: Trần Văn Phong Địa chỉ: Công ty TNHH Học Hoa Lý do nộp: Trả tiền mua phụ tùng vật tư Số tiền: 11.102.700 đồng Viết bằng chữ: <i>Mười một triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm đồng.</i> Kèm theo 02 chứng từ gốc	<i>Ngày 01 tháng 12 năm 2009</i>			
Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, họ tên và đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>
<i>GĐ Nguyễn Hoàng Hoá</i>	<i>Nguyễn Thị Thuần</i>	<i>Phan Oanh</i>	<i>Phan Oanh</i>	<i>Trần Văn Phong</i>
Đó nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):				

Biểu số 3.2

CTY CP VTMTT AN PHÚ Số 512 Tôn Đức Thắng - HP MST: 0200576908	PHIẾU CHI Liên 1 Số: PT421 Ngày 12 tháng 12 năm 2009	Mẫu số 01-TT QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14 tháng 09 năm 2006 Của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quyển số 14 Nợ: 156 Nợ: 133 Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Đào Nhật Phương				
Địa chỉ : Phòng kế toán				
Lý do chi : Mua hàng				
Số tiền : 16.968.000				
Bằng chữ : Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn ./.				
Kèm theo.....chứng từ gốc				
Ngày 12 tháng 12 năm 2009				
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên và đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
<i>GD Nguyễn Hoàng Hoá</i>	<i>Nguyễn Thị Thuần</i>	<i>Phan Oanh</i>	<i>Phan Oanh</i>	<i>Đào Nhật Phương</i>
Đó nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):				
.....				
.....				

Biểu số 3.3

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CP VẬT TƯ MÁY TÀU THUYẢ AN PHÚ

Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Dương – HP

Mẫu số: 05-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: **Phòng Tài chính – Kế toán**

Họ và tên người đề nghị thanh toán: **Đào Nhật Phương**

Bộ phận (Địa chỉ): Tổ máy thủy

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền hàng vật tư

Số tiền : **16.968.000**

(Viết bằng chữ): Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo 02 chứng từ gốc

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI DUYỆT

(đóng dấu, ký, họ tên)

❖ *Thứ hai, Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển*

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền kế toán tiền mặt nên mở TK 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong những trường hợp sau: thủ tục thanh toán qua ngân hàng, thủ tục chuyển tiền qua bưu điện đã thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có, giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

❖ *Thứ ba, về công tác quản lý quỹ tiền mặt*

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành 2 bản:

- Một bản lưu ở thủ quỹ
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Biểu số 3.3

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CP VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

Mẫu số: 08a-TT

Địa chỉ: 512 Tôn Đức Thắng – An Dương – HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

- Ông/ Bà:..... Đại diện kế toán
- Ông/ Bà:..... Đại diện thủ quỹ
- Ông/ Bà:..... Đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	X	
II	Số kiểm kê thực tế	X	
1	Trong đó: - Loại		
	- Loại		
	- Loại		
	- Loại		
		
III	Chênh lệch (III=I-II)	X	

Lý do: +Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ QUỸ

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM KIỂM KÊ QUỸ

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

❖ *Thứ tư, về công tác quản lý vốn*

Để khắc phục tình trạng bị chiếm dụng vốn nhiều như hiện nay kế toán phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên tình hình thu hồi các khoản nợ và thanh toán các khoản nợ trong kỳ. Công ty cần phải đưa ra một số quyết định phù hợp cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tới một cách cụ thể như tăng cường công tác đòi nợ, áp dụng phương thức thanh toán chiết khấu đối với khách hàng thanh toán ngay hoặc đối với khách hàng thường xuyên thanh toán đúng thời hạn. Để thu hồi vốn được nhanh Công ty nên chia các công trình lớn làm nhiều công đoạn thi công theo hình thức cuốn chiếu làm hết một công đoạn thì thanh toán tiền đến đó như vậy thì thời gian làm sẽ ngắn và thu được tiền nhanh hơn (quay vòng vốn nhanh hơn). Đối với các khoản nợ không thể đòi được Công ty phải có những biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo an toàn về vốn, Công ty phải lập dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi”.

Trong điều kiện nào đó, Công ty có thể chiếm dụng vốn một cách hợp pháp đối với các nhà cung cấp bằng cách khất nợ để không phải trả tiền ngay cho doanh nghiệp cung cấp hàng cho Doanh nghiệp mình. Muốn như vậy thì Công ty phải tạo uy tín cao, phải có quan hệ thường xuyên đối với các bạn hàng và tạo điều kiện nợ đúng thời hạn cho phép.

❖ *Thứ năm, về ứng dụng tin học*

Công ty nên trang bị lại hệ thống máy tính với những phần mềm tin học mới nhất để tính toán trên máy vi tính đạt hiệu quả cao nhất, chính xác nhất, nối mạng thông tin nội bộ để kế toán trong Công ty có thể nắm bắt được thông tin, trao đổi và kiểm tra hệ thống thông tin cần thiết.

Hiện tại, Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú chỉ áp dụng máy vi tính trong công tác kế toán cụ thể là chương trình kế toán trên Excel do Công ty quy định. Công ty vẫn chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng, do vậy chưa khai thác hết công dụng của máy vi tính và phần mềm. Nhất là cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ nếu không có phần mềm xử lý thì rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc. Đưa phần mềm vào sẽ làm

giảm nhẹ sức lực cũng như thời gian làm việc cho kế toán viên. Như vậy thì công việc sẽ đúng theo tiến độ ban lãnh đạo đề ra và đạt hiệu quả cao hơn.

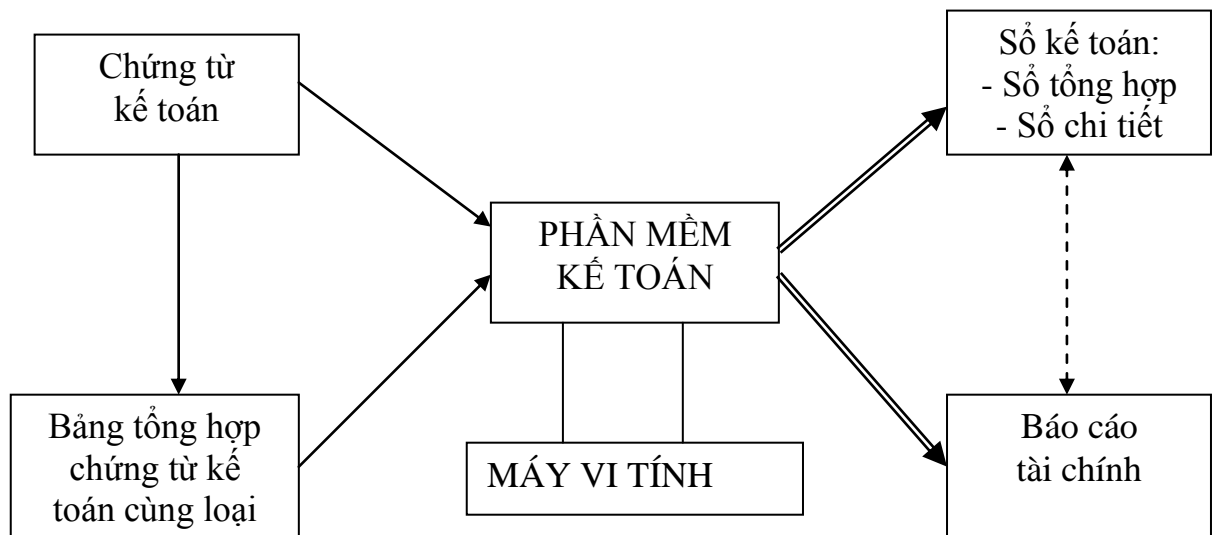
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán đó.

- Theo qui trình của kế toán phần mềm, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng (hoặc vào bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ, lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Cuối kỳ kế toán sổ kế toán được in ra giấy đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng
- <-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Kết luận

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó rất quan trọng. Thông qua công tác kế toán vốn bằng tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền, từ đó có kế hoạch sử dụng vốn bằng tiền sao cho hợp lý để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú, giúp em hiểu sâu hơn về công tác hạch toán kế toán nói chung, công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng, Công ty và đặc biệt là phòng kế toán đã tạo điều kiện để chúng em nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ túc những kiến thức đã học ở nhà trường, từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn. Nhưng do trình độ bản thân và thời gian thực tập tại Công ty còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót.

Cuối cùng, em xin cảm ơn cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Phạm Thị Nga, các thầy cô trong bộ môn quản trị kinh doanh và các Bác, các Cô trong phòng kế toán Công ty đã giúp em hoàn thành bài báo cáo thực tập tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Trần Thanh Hằng